



## **NHỮNG VỊ KHÁCH ĐƯỢC NUÔNG CHIỀU HAY NHỮNG NGƯỜI YÊU NƯỚC TẬN TỤY? NGƯỜI HOA Ở BẮC VIỆT NAM THỜI KỲ 1954 – 1978**

**Nguồn:** Xiaorong Han (2009). "Spoiled Guests or Dedicated Patriots? The Chinese in North Vietnam, 1954–1978", *International Journal of Asian Studies*, Vol. 6, No. 1, pp. 1–36.

**Biên dịch & Hiệu đính:** Đỗ Hải Yến

*Bài báo này đánh giá quan hệ ba bên giữa cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam, chính quyền Bắc Việt Nam và Trung Quốc, đặc biệt tập trung vào ảnh hưởng của mối quan hệ lên bản sắc quốc gia và dân tộc của Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam, trong thời kỳ 1954 đến 1978. Việc nghiên cứu kỹ lưỡng hai vấn đề trọng tâm về tư cách công dân và hệ thống trường học của người Hoa cho thấy các lãnh đạo Bắc Việt Nam thực hiện những chính sách khoan dung đối với Hoa kiều, chủ yếu bởi họ xem mối quan hệ giữa nhà nước Việt Nam với cộng đồng người Hoa là nhân tố cốt lõi trong mối quan hệ của Bắc Việt Nam với Trung Quốc. Các chính sách này rất cuộc đã góp phần trì hoãn việc đồng hóa Hoa kiều và tới cuối những năm 1970, chúng vẫn chưa hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi những đối tượng lưu trú được ưu đãi thành công dân Việt Nam. Mặc dù nhiều Hoa kiều mang địa vị người nước ngoài được hưởng đặc quyền, số khác lại sẵn sàng thay mặt Việt Nam tham gia vào cuộc kháng chiến chống Mỹ. Sau khi tái thống nhất, với mong muốn làm rõ sự trung thành, nói cách khác là "thanh lọc" quốc gia – dân tộc, chính phủ Việt Nam đã khởi xướng một quy trình đồng hóa bắt buộc mang tính quyết đoán. Chính sách này cùng với sự suy thoái trong quan hệ Việt – Trung*

*cuối những năm 1970 đã làm dấy lên một làn sóng di cư ra nước ngoài của các Hoa kiều.*

## **Giới thiệu**

Cuối 1977 và đầu 1978, đông đảo Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam bắt đầu trốn khỏi đất nước, trở thành “những người tị nạn” lênh đênh trên biển khơi. Cũng khoảng thời gian đó, Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam bắt đầu vượt biên giới Việt Trung, trở thành những người tị nạn trên đất liền giống như bộ phận đang vượt biển.<sup>1</sup> Tới đầu tháng 6 năm 1978, số người tị nạn tại Trung Quốc đã đạt đến con số 100.000. Vào giữa tháng 7, tổng số người đã vượt mức 160.000.<sup>2</sup> Thành phố Hà Khẩu thuộc tỉnh Vân Nam Trung Quốc tiếp nhận số người tị nạn cao nhất trong một ngày là hơn 1.900 người; ở Đông Hưng, một huyện biên giới thuộc Quảng Tây, con số 4.000 người mỗi ngày được ghi nhận.<sup>3</sup> Tiếp giáp với Đông Hưng là thành phố Móng Cái thuộc tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam, nơi người Hoa từng chiếm 80% dân số. Tháng 6 năm 1978, 70% Hoa kiều tại thành phố này cùng với 60% đồng hương ở tỉnh Quảng Ninh đã dời sang Trung Quốc.<sup>4</sup> Lượng người tị nạn đầu tiên xuất phát từ các tỉnh tiếp giáp Trung Quốc. Tiếp đến, Hoa Kiều từ những khu vực khác của miền Bắc Việt Nam đã hòa vào dòng người tị nạn.<sup>5</sup> Cuộc di dời bắt đầu từ những cư dân ở khu vực nông thôn, nhưng về sau, thành phần tị nạn bao gồm cả những Hoa kiều sống ở các thành thị.<sup>6</sup> Giữa tháng 7 năm 1978, Trung Quốc đóng cửa biên giới với Việt Nam nhằm ngăn chặn dòng người tị nạn, nhưng các nhóm nhỏ vẫn tiếp tục tràn vào.<sup>7</sup> Tháng 2 năm 1979, khi Trung Quốc khởi động cuộc chiến kéo dài ba tuần chống lại Việt Nam, 202.000 người tị nạn đã có mặt tại Trung Quốc. Vài tháng sau cuộc chiến, số người tị nạn vẫn tăng với tỷ lệ trên 10.000 người mỗi tháng.

---

Tôi xin gửi lời cảm ơn tới Viện Nghiên Cứu & Giáo Dục cũng như Trung Tâm Giáo Dục Toàn Cầu thuộc Đại học Butler đã tài trợ cho những chuyến đi đến Trung Quốc và Việt Nam vào năm 2007, 2008. Tôi biết ơn những hỗ trợ nhiệt tình từ các giáo viên và bạn bè tại Trung Quốc và Việt Nam: Giáo sư Fan Honggui và Huang Xingqiu ở Quảng Tây; Ngài Liu Zhiqiang ở Bắc Kinh; Giáo sư Châu Thị Hải, Nguyễn Văn Hào và Nguyễn Văn Huy ở Hà Nội; Ngài Trương Thái Du ở thành phố Hồ Chí Minh và Giáo sư Fan Ruiping ở Hồng Kông. Tác giả xin chịu trách nhiệm cá nhân cho mọi quan điểm cũng như sai sót nếu có trong bài báo này.

<sup>1</sup> Theo một ước lượng vào năm 1978, người Trung Quốc chiếm 85% số người vượt biên ở miền nam Việt Nam và 95% số người tị nạn di cư từ miền Bắc Việt Nam sang Trung Quốc. Chang P.M. 1982, trang 212-13.

<sup>2</sup> Amer 1991, trang 46.

<sup>3</sup> *Beijing Review* 2 tháng 6 năm 1978, trang 15.

<sup>4</sup> Nguyễn V. 1978, trang 43, 48.

<sup>5</sup> *Beijing Review* 16 tháng 6 năm 1978, trang 15.

<sup>6</sup> Godley 1980, trang 36.

<sup>7</sup> Porter 1980, trang 57.

Năm 1994, ước tính cho hay tổng số người tị nạn Đông Dương và con cái họ tại Trung Quốc là 288.000, 99% trong số đó xuất phát từ Việt Nam.<sup>8</sup>

Xét theo nhiều phương diện, cuộc di cư của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam có sự khác biệt so với những người vượt biên bằng thuyền ở miền Nam Việt Nam. Trong khi phần đông người vượt biên lựa chọn các nước phương Tây và các nước châu Á ủng hộ phương Tây, hầu hết người Hoa ở miền Bắc Việt Nam dời về Trung Quốc. Nhiều người vượt biên ở miền Nam Việt Nam quyết định rời bỏ đất nước chủ yếu bởi họ nhận thấy khó lòng thích nghi được với hệ thống xã hội chủ nghĩa mà đặc thù là chính sách tịch thu tài sản, các trại cải tạo và khu kinh tế mới. Ở miền Bắc Việt Nam, nơi hệ thống xã hội chủ nghĩa đã tồn tại hơn hai thập kỷ, nhân tố cốt yếu duy nhất khiến cho người Trung Quốc phải di dời là sự sụp đổ khối liên minh Trung – Việt. Sau cùng, ở miền Nam Việt Nam, cuộc di cư của những người vượt biên không làm cho cộng đồng người Hoa tan biến. Đông đảo cư dân gốc Hoa vẫn sinh sống tại đây đến ngày nay. Tuy nhiên, ở miền Bắc Việt Nam, những cộng đồng Hoa kiều rộng lớn không còn tồn tại.<sup>9</sup> Khác biệt về tình trạng di cư, xét theo chừng mực nào đó phản ánh sự khác biệt về kinh nghiệm giữa cộng đồng Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam và những người đồng hương của họ ở miền Nam. Từ năm 1954 đến 1976, chủ yếu vì nguyên do chia cắt Việt Nam, Hoa kiều ở Việt Nam bị tách thành hai cộng đồng, có sự khác biệt lớn về quy mô, quyền lực kinh tế, tính đa dạng văn hóa, ngôn ngữ và nghề nghiệp, xu hướng chính trị và mối quan hệ với chính quyền sở tại cũng như với Trung Quốc.

Những khác biệt ấy đã đem lại động lực lớn lao cho việc nghiên cứu. Thay vì nghiên cứu các vấn đề liên quan đến toàn bộ Hoa kiều ở Việt Nam, bài báo này tập trung vào cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam trong suốt thời kỳ đất nước chia cắt. Bài viết sẽ nghiên cứu những đặc điểm riêng biệt của cộng đồng này, mối quan hệ ba bên giữa cộng đồng người Hoa, chính quyền Bắc Việt Nam và Trung Quốc cũng như ảnh hưởng của hiện trạng lên bản sắc quốc gia và dân tộc của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam. Luôn lưu tâm những động lực này, tôi đặc biệt chú ý đến những vấn đề xung quanh tư cách công dân của người Hoa và hệ thống trường học của người Hoa. Tôi cho rằng chính sách nhà nước của miền Bắc Việt Nam đối với người Hoa thời kỳ 1954-1978 khoan dung hơn nhiều so với những chính sách mà hầu hết các chính phủ Đông Nam Á khác vận dụng, chủ yếu bởi các

<sup>8</sup> *People's Daily*, 25 tháng 8 năm 1994.

<sup>9</sup> Một ước lượng cho hay vào năm 1989, có trên 900.000 người Trung Quốc ở miền Nam Việt Nam nhưng chỉ có 2.000 đến 3.000 người Trung Quốc ở miền Bắc Việt Nam. Guowuyuan qiaoban qiaowu ganbu xuexiao, 1993, trang 74. Báo cáo điều tra dân số chính thức của Việt Nam thống kê con số 961.702 người Việt gốc Hoa ở Việt Nam vào năm 1989. Chỉ còn lại một bộ phận nhỏ trong số họ sống ở miền bắc Việt Nam, 4.015 người ở Hà Nội, 2.659 người ở Hải Phòng, 2.287 người ở Lạng Sơn và 2.276 người ở Quảng Ninh. Châu 1992, trang 44-45.

nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam xem mỗi quan hệ giữa nhà nước Việt Nam và cộng đồng người Hoa là nhân tố cốt lõi trong mỗi quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc. Sự ưu đãi của chính quyền Bắc Việt Nam dành cho Hoa kiều góp phần vào nỗ lực duy trì và củng cố khối liên minh giữa Bắc Việt Nam và Trung Quốc. Một phần kết quả của sự ưu đãi này là quá trình đồng hóa người Hoa thành cộng đồng người Việt đã bị trì hoãn. Cuối những năm 1970, cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam vẫn chưa hoàn tất việc chuyển đổi từ cộng đồng lưu trú sang nhóm dân tộc bản địa. Quá trình đồng hóa bị trì hoãn và sự suy thoái trong quan hệ Việt – Trung những năm cuối 1970 là những lý do quan trọng nhất cho sự di dời của Hoa kiều ra khỏi miền Bắc Việt Nam.

### **Những đợt di cư**

Cuộc di dời của cư dân từ nhiều vùng miền – nay là lãnh thổ Trung Quốc – đến khu vực Đồng bằng Sông Hồng bắt đầu từ thời tiền sử. Nhiều nghiên cứu cho thấy các bộ tộc Lạc Việt cổ đại định cư ở miền nam Trung Quốc trước khi chuyển đến Đồng Bằng Sông Hồng. Người ta tin rằng vua An Dương Vương huyền thoại, vị vua đã kết thúc triều đại của các vua Hùng, xuất thân từ vùng tây nam Trung Quốc. Cuộc xâm chiếm Đồng Bằng Sông Hồng của nhà Tần và Vương quốc Nam Việt đã đưa cư dân từ vùng đất phía bắc sang lãnh địa mà sau này được biết đến như miền Bắc Việt Nam.<sup>10</sup>

Suốt thời kỳ đô hộ lâu dài của Trung Quốc (111 TCN đến 939 SCN), một dòng người liên tục di cư từ phương bắc đến Đồng Bằng Sông Hồng. Có thể phân chia họ thành nhiều nhóm, nhóm đầu tiên bao gồm quan lại, tướng lĩnh, lính và gia đình họ. Một số thành viên trong nhóm này ở lại Việt Nam vĩnh viễn, hòa nhập với cư dân bản địa và sau khi tướng của triều Hán là Mã Viện dẹp trừ tàn bạo cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng vào năm 42 SCN, họ nổi lên như những gia tộc Hán – Việt đầy quyền lực.<sup>11</sup> Một số nguồn khẳng định rằng phần đông quân lính của Mã Viện đã định cư ở miền Bắc Việt Nam và ngày nay vẫn có thể nhận diện hậu duệ của họ.<sup>12</sup> Sau khi nhà Hán sụp đổ, nhiều người Hoa có thể lực chuyển đến Đồng Bằng Sông Hồng nhằm tránh xa thời kỳ hỗn loạn ở Trung Quốc.<sup>13</sup> Các quan lại người Hoa tiếp tục di cư thời kỳ triều nhà Tùy và nhà Đường trị vì tiếp nối. Nhóm thứ hai bao gồm các thương nhân, thợ thủ công và thường dân, họ tự chuyển đến Việt Nam nhằm tìm kiếm cơ hội của riêng mình. Trong đó có cả người tị nạn chạy trốn khỏi

<sup>10</sup> Lu 1964, trang 26, 39, 47.

<sup>11</sup> Tham khảo Taylor 1983, trang 69-80 để có được thông tin trọn vẹn về các gia tộc Hán Việt.

<sup>12</sup> Zhang W. 1975, trang 5.

<sup>13</sup> Lu 1964, trang 109-14; Taylor 1983, trang 69-80; Zhang C. 25 tháng 5 năm 1969.

Trung Quốc để tránh những tai ương về chính trị, kinh tế và xã hội. Nhóm cuối cùng là các phạm nhân được đưa đến vùng biên giới để thi hành án.<sup>14</sup> Tổng dân số miền Bắc Việt Nam vào thế kỷ thứ 3 và thứ 4 SCN theo ước tính là vào khoảng 500.000, trong số đó người Hoa chiếm 10.000 đến 100.000.<sup>15</sup> Những người nhập cư thế hệ đầu rất cuộc đã bị đồng hóa; một số hậu duệ của họ, theo tranh luận, là những người tham gia tích cực trong các phong trào độc lập chống Trung Quốc vào thế kỷ thứ 6 và thứ 10.<sup>16</sup>

Sau khi Việt Nam giành độc lập vào thế kỷ thứ 10 SCN, Trung Quốc không còn đưa quan lại, tướng lĩnh, lính và phạm nhân tới Việt Nam nhưng những người nhập cư và tị nạn vì lý do chính trị và kinh tế vẫn tiếp tục chuyển đến. Nhìn chung, nhà cầm quyền Việt Nam khuyến khích người Trung Quốc đồng hóa thông qua đối xử bình đẳng, thậm chí là có lợi cho những cư dân gắn bó lâu dài và để mắt đến những vị khách nhất thời.<sup>17</sup> Châu Hải chỉ ra rằng, những đợt di cư quy mô lớn của người Hoa vào Việt Nam thường diễn ra trong các thời kỳ Trung Quốc có biến động về chính trị.<sup>18</sup> Chẳng hạn, cuộc xâm chiếm của người Mông Cổ ở Trung Quốc đã khiến một bộ phận người Hoa trốn chạy đến miền Bắc Việt Nam.<sup>19</sup> Do những tương đồng về hoàn cảnh chính trị và văn hóa, người Hoa nhập cư có khả năng giành được những vị trí quan lại ở Việt Nam khá dễ dàng. Danh sách những nhà khoa bảng đỗ đạt các kỳ thi tuyển công chức triều đại Lý và Trần cho thấy họ gốc Hoa chiếm tỷ lệ cao.<sup>20</sup> Quan lại và lính tráng Trung Quốc một lần nữa chuyển đến Việt Nam trong thời kỳ quân Minh chiếm đóng (1407-1427). Sau khi Việt Nam giành độc lập, số người Hoa có mặt ở Việt Nam được phép lưu lại.<sup>21</sup> Cuộc xâm lược Trung Quốc của người Mãn Châu vào thế kỷ thứ 17 đã đẩy lên một làn sóng nhập cư mới, bộ phận nhập cư người Hoa này trở thành thợ mỏ, thương nhân, nông dân cũng như quan lại và lính tráng tại Việt Nam.<sup>22</sup> Ở miền Bắc Việt Nam, Hoa Kiều có tầm ảnh hưởng lớn đối với nghề làm gốm và nghề khai thác mỏ.<sup>23</sup> Họ cũng hoạt động mạnh ở Phố Hiến, một trung tâm thương mại sầm uất tại Hưng Yên. Ước tính có khoảng 56.000 người Hoa sống ở Bắc Kỳ vào thế kỷ thứ 18.<sup>24</sup> Bộ phận đông đảo những người nhập cư mới cho phép họ tạo dựng những cộng đồng riêng, một trong

<sup>14</sup> Zhang C. 23 tháng 5 năm 1969.

<sup>15</sup> Zhang C. 25 tháng 5 năm 1969; 27 tháng 5 năm 1969.

<sup>16</sup> Zhang C. 25 tháng 5 năm 1969; Châu 1992, trang 98; Zhang W. 1975, trang 17.

<sup>17</sup> Phân tích cô đọng về chính sách của Việt Nam đối với người Hoa từ thế kỷ thứ 10 đến thế kỷ thứ 20, tham khảo Châu 2004, trang 69-85.

<sup>18</sup> Châu 1992, trang 17.

<sup>19</sup> Zhang C. 23 tháng 5 năm 1969; Châu 1992, trang 20.

<sup>20</sup> Woodside 1971, trang 8.

<sup>21</sup> Châu 1992, trang 23.

<sup>22</sup> Li B. 1990, trang 4-5.

<sup>23</sup> Li B. 1990, trang 68-72.

<sup>24</sup> Zhang W. 1975, trang 36; Châu 1993, trang 52-59.

số đó được biết đến với cái tên Minh Hương.<sup>25</sup> Sau khi Việt Nam chinh phục Chăm Pa và Đồng Bằng Sông Cửu Long, càng nhiều dân nhập cư Trung Quốc bắt đầu đổ về miền Trung và miền Nam Việt Nam. Trên thực tế, các thủ lĩnh đất Việt sử dụng lực lượng Hoa kiều trốn chạy sang Việt Nam sau cuộc xâm lăng của người Mãn Châu làm đội quân tiên phong để mở rộng cõi Nam.<sup>26</sup> Châu Hải chỉ ra rằng trước thế kỷ thứ 17, người nhập cư Trung Quốc ở Việt Nam dễ bị đồng hóa vào xã hội bản địa. Về sau, dân số Hoa kiều lớn mạnh, đủ để hình thành những cộng đồng riêng. Những cơ cấu xã hội này rất cuộc trở thành một trở ngại cho quá trình đồng hóa.<sup>27</sup>

Đầu thế kỷ thứ 19, triều Nguyễn thừa nhận một cơ cấu trong đó người Hoa ở Việt Nam được phân chia thành nhiều cộng đồng dựa trên thổ ngữ. Mỗi nhóm do một người đứng đầu, có nhiệm vụ truyền đạt chỉ dụ của chính quyền, thu thuế và hòa giải tranh chấp.<sup>28</sup> Cai Tinglan, một vị quan kiêm học giả Trung Quốc phải ghé vào Việt Nam tránh bão vào năm 1835, nói rằng ông gặp người Hoa ở khắp nơi ông đặt chân đến, dọc miền Trung và miền Bắc Việt Nam. Hầu hết những người ông tiếp xúc xuất thân từ Quảng Đông, Phúc Kiến và Quảng Tây. Họ chủ yếu là thương nhân, trong số đó có cả quan lại và ngư dân. Ông khẳng định rằng Hoa Kiều có cộng đồng, khu định cư và người lãnh đạo riêng. Cai nhận thấy chính quyền giảm thuế và trao đặc quyền thương mại cho người Hoa, việc kết hôn khác tộc giữa đàn ông Hoa và phụ nữ Việt thường xuyên diễn ra và nhìn chung người Hoa giàu có hơn người Việt bình thường.<sup>29</sup>

Thời kỳ Pháp đô hộ, người Hoa tiếp tục di cư đến Việt Nam và cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam phát triển nhanh hơn nhiều so với ở miền Bắc. Tại miền Bắc Việt Nam, phiến quân, cướp và những đội quân người Hoa hoạt động rất tích cực thời kỳ những năm 1860 đến những năm 1880.<sup>30</sup> Nhân vật nổi tiếng Lưu Vĩnh Phúc và đội quân Cờ Đen của ông đã khuấy đảo người Pháp, giết chết những tên thực dân đình đám như Francis Garnier và Henri Riviere.<sup>31</sup> Một số phiến quân là thành viên của nhóm người Hoa không thuộc Hán tộc đến từ Quảng Tây. Ở Việt Nam ngày nay tồn tại những thông tin xác nhận người Tày là hậu duệ của quân Cờ

<sup>25</sup> Li B. 1990, trang 6. Để hiểu thêm lược sử về Minh Hương và một nghiên cứu chi tiết về cộng đồng này, tham khảo Chen C. 1964.

<sup>26</sup> Châu 1992, trang 25-26; Ly Singko 1978, trang 32-41.

<sup>27</sup> Châu 1992, trang 100.

<sup>28</sup> Li B. 1990, trang 7. Thực dân Pháp về sau kế thừa hệ thống này và vào năm 1885 đã giảm số lượng cộng đồng từ bảy xuống còn năm, lấy năm thổ ngữ Trung Hoa chính làm cơ sở. Marsot 1993, trang 85.

<sup>29</sup> Dai 1997, trang 40-50.

<sup>30</sup> Châu 1992, trang 28-29; Li B. 1990, trang 8-9; Zheng 1976, trang 33-34.

<sup>31</sup> McAleavy 1968.

Đen.<sup>32</sup> Vài người Hoa còn dính líu đến việc bắt cóc phụ nữ và trẻ em Việt Nam bán sang Trung Quốc.<sup>33</sup> Hoạt động trọng yếu nhất của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam có lẽ là khai thác mỏ.<sup>34</sup> Ước tính cho thấy người Hoa điều hành hầu như toàn bộ 124 hầm mỏ ở miền Bắc Việt Nam vào cuối thế kỷ 19.<sup>35</sup> Đầu thế kỷ 20, một bộ phận người Hoa ở Việt Nam tham gia vào cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên chống lại triều Thanh và sau khi nhà Thanh sụp đổ, chính quyền Trung Hoa Dân Quốc dân đảng nỗ lực bảo vệ người Hoa tại Việt Nam.<sup>36</sup> Chính quyền Trung Hoa Dân Quốc cũng thiết lập hai tòa lãnh sự ở miền Bắc Việt Nam. Chính quyền của Tưởng Giới Thạch dần xếp hai thỏa thuận với Pháp thời kỳ những năm 1930, trao cho người Hoa địa vị “ngoại kiều được hưởng đặc quyền”. Về lý thuyết, họ được đối đãi như người Pháp và hưởng nhiều đặc ân hơn cả bản thân người Việt.<sup>37</sup> Thái độ của người Pháp đối với người Hoa mang tính mâu thuẫn,<sup>38</sup> nhưng theo lập luận thuyết phục của Alain Marsot thì chủ nghĩa thực dân Pháp đã thúc đẩy tình trạng nhập cư của người Hoa bởi nó đem lại an ninh, cơ hội thương mại cùng nhu cầu về lao động.<sup>39</sup>

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, Quân đội Trung Quốc Dân Quốc chiếm đóng miền Bắc Việt Nam trong thời gian ngắn. Thời kỳ này góp phần củng cố mối quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa kiều và nâng cao vị thế của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam. Thông qua một thỏa thuận Trung – Pháp được ký kết vào năm 1948, các lãnh sự Trung Quốc có quyền phủ quyết đối với các ứng viên cho chức vụ lãnh đạo cộng đồng người Hoa tại địa phương. Thỏa thuận cũng tuyên bố Hoa kiều tại Việt Nam có quyền tự do đi lại và giao thương, đồng thời duy trì địa vị cá nhân và gia đình theo tập quán của người Hoa.<sup>40</sup>

### **Các đặc điểm của cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam**

Cộng đồng người Hoa có mặt tại miền Bắc Việt Nam trong khoảng thời gian từ 1954 đến 1978 khác biệt so với cộng đồng người Hoa ở miền Nam Việt Nam về một số phương diện. Trước hết, vì người Hoa hiện diện ở miền Bắc Việt Nam từ thời cổ đại, có thể khẳng định rằng các cộng đồng Hoa kiều ở khu vực phía bắc có lịch sử lâu

<sup>32</sup> Fan H. 2004, trang 203; Fan H. 1999, trang 163.

<sup>33</sup> Marsot 1993, trang 43; McAleavy 1968, trang 183.

<sup>34</sup> Zheng 1976, trang 85-86; Miller 1946, trang 268-79.

<sup>35</sup> Châu 1992, trang 121.

<sup>36</sup> Tôn Dật Tiên từng sáu lần viếng thăm Việt Nam trong khoảng thời gian từ năm 1900 đến 1907. Những người ủng hộ ông đã tiến hành năm cuộc nổi loạn chống quân Mãn Châu ở Việt Nam. Zhang W. 1975, trang 90-91. Để biết thêm thông tin thú vị về mối quan hệ của Tôn Dật Tiên với người Pháp và người Hoa ở Việt Nam suốt những năm tháng trước Cách Mạng 1911, tham khảo Barlow 1979.

<sup>37</sup> Marsot 1993, trang 44-51, 53, 116-17.

<sup>38</sup> Purcell 1952, trang 209; trang 227-29.

<sup>39</sup> Marsot 1993, trang 84.

<sup>40</sup> Purcell 1952, trang 230.

đời hơn nhiều so với các cộng đồng phía nam. Mặc dù sau vài thế hệ, thông thường người Hoa nhập cư bị đồng hóa, nhưng dòng nhập cư liên tục những cư dân mới trên thực tế đảm bảo cho một sự hiện diện rõ ràng của Trung Quốc (ở Việt Nam) kể từ năm 111 TCN.

Dù cộng đồng Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam nhỏ hơn nhiều so với miền Nam, miền Nam Việt Nam lại là điểm đến mà nhiều người Hoa lựa chọn để tái định cư suốt thời kỳ Pháp thuộc. Những biến đổi chính trị và xã hội về sau cũng góp phần vào sự dao động về quy mô dân cư giữa hai cộng đồng. Khi Chiến tranh Đông Dương lần I nổ ra vào năm 1946, một bộ phận người Hoa rời miền Bắc tới miền Nam Việt Nam,<sup>41</sup> số khác quay trở về Trung Quốc.<sup>42</sup> Năm 1954 khi Việt Nam bị chia cắt, gần 60.000 người Hoa di cư từ Bắc vào Nam.<sup>43</sup> Đồng thời trong khoảng thời gian đó, những nhà Cộng sản Trung Quốc cũng chuyển từ Nam ra Bắc,<sup>44</sup> nhưng với số lượng nhỏ.

Tồn tại những ước lượng khác nhau về số người Hoa ở miền Bắc Việt Nam. Các viên chức thực dân Pháp ước tính vào năm 1886, có 7.467 người châu Á ngoại quốc ở Bắc Kỳ; Alain Marsot tin rằng tất cả đều là người Hoa. Năm 1906 và 1907, có khoảng 30.000 người Hoa ở Bắc Kỳ. Số người Hoa ở Bắc Kỳ tăng lên 32.000 vào năm 1911; 41.800 vào năm 1913; 46.000 vào năm 1926; và 52.000 vào năm 1931.<sup>45</sup> Chính quyền Bắc Việt Nam tuyên bố có 1,5 triệu người Hoa tại Việt Nam vào năm 1951, trong đó 1,4 triệu ở miền Nam, 53.000 ở miền Trung và 90.000 ở miền Bắc Việt Nam.<sup>46</sup> Một số liệu khác ước tính rằng 170.000 người Hoa có mặt tại miền Bắc Việt Nam năm 1955,<sup>47</sup> nhưng Alain Marsot lại tuyên bố chỉ có 50.000 người Hoa ở miền Bắc Việt Nam thời kỳ 1957, chiếm 0,4% dân số bản địa. Tỷ lệ này thấp hơn nhiều so với con số tổng thể ở Đông Nam Á, vào khoảng 5%. Trên thực tế, trong số tất cả các khu vực và quốc gia ở Đông Nam Á, miền Bắc Việt Nam có tỷ lệ người Hoa thấp nhất trên dân số vùng.<sup>48</sup> Theo Victor Purcell, tổng số Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam là khoảng 55.000 người vào năm 1960, nhưng một cuộc điều tra dân số chính thức của Việt Nam được tiến hành cùng năm lại báo cáo có

<sup>41</sup> Thompson và Adloff 1955, trang 56.

<sup>42</sup> Purcell 1952, trang 265.

<sup>43</sup> Elegant 1959, trang 261; Mitchison 1961, trang 58; Zhang W. 1957, trang 43. Để biết thêm chi tiết về những trải nghiệm của một gia đình người Hoa ở miền Bắc Việt Nam trước và trong thời kỳ chia cắt, tham khảo Vương-Riddick 2007.

<sup>44</sup> Qì 16 tháng 2 năm 1969; *Xin Yue Hua Bao* 24 tháng 8 năm 1961; 28 tháng 7 năm 1964; 31 tháng 8 năm 1965.

<sup>45</sup> Marsot 1993, trang 92, 95-98.

<sup>46</sup> Li B. 1990, trang 16.

<sup>47</sup> Li B. 1990, trang 81.

<sup>48</sup> Marsot 1993, trang 5.



174.644 người Hoa tại đây, chiếm 1,1% tổng dân số.<sup>49</sup> Hai học giả khác đưa ra số liệu 190.000 người Hoa ở miền Bắc Việt Nam năm 1965.<sup>50</sup> Chính quyền Việt Nam sau thống nhất ước tính số người Hoa ở miền Bắc Việt Nam vào những năm cuối 1970 trước khi họ dời đi là trên 200.000,<sup>51</sup> và một học giả khác cho hay vào năm 1978, có 300.000 người Hoa ở miền Bắc Việt Nam.<sup>52</sup>

Những số liệu khác biệt phần nào bắt nguồn từ sự thiếu thống nhất về mặt học thuật trong định nghĩa về người Hoa. Vài số liệu rõ ràng không bao gồm người Hoa ở vùng nông thôn trong khi những số liệu khác lại bao gồm không chỉ người Hoa ở nông thôn mà cả những nhóm người Hoa không thuộc Hán tộc. Chẳng hạn, theo một nghiên cứu, người Hoa chiếm đến 78% dân số Hải Ninh thời kỳ 1946 đến 1954, bởi trong nghiên cứu này, 100.000 người Nùng ở Hải Ninh được xem là người Hoa. Vấn đề tranh cãi đó là người Nùng có xuất thân từ tầng lớp nông dân người Hoa thuộc Hán tộc, được gọi là người Nùng sau năm 1885, chủ yếu là do người Pháp không muốn thừa nhận họ là người Hoa vì những lý do chính trị.<sup>53</sup> Vấn đề tương tự phát sinh khi nhận diện cộng đồng Minh Hương. Triều Nguyễn phân chia họ thành một nhóm riêng biệt nhưng lại trao cho họ hầu hết quyền lợi mà công dân Việt Nam được hưởng. Thời kỳ thuộc địa, có khi họ được đối đãi như người Việt, có khi lại như người Hoa. Mọi việc rắc rối hơn ở chỗ, vào cùng một thời điểm lịch sử, có những cá nhân được đối đãi như người Việt, trong khi số khác lại được xem là người Hoa.<sup>54</sup>

Hai cộng đồng còn có sự khác biệt về mặt phân bố địa lý. Hầu hết người Hoa ở miền Nam Việt Nam sống trong thành thị và Sài Gòn là một trong những điểm tập trung đông đảo nhất của người Hoa nhập cư ở Đông Nam Á.<sup>55</sup> Tại miền Bắc, số người Hoa sống ở các thành phố lớn là khá ít ỏi. Người Hoa không còn tập trung ở khu vực thành thị. Số người Hoa sống ở Hà Nội theo ước tính là 2.000 vào năm 1913;<sup>56</sup> 4.200 vào năm 1920;<sup>57</sup> 5.000 vào năm 1931; 15.000 vào năm 1948.<sup>58</sup>

<sup>49</sup> Fu 2004, trang 295.

<sup>50</sup> Fitzgerald 1972, trang 196.

<sup>51</sup> Sở Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa, 1978, trang 17.

<sup>52</sup> Nguyen M. 1979, trang 1041.

<sup>53</sup> Qìng 1996. Năm 1954, khoảng 5.000 người Nùng ở Hải Ninh theo Voong A Sang chuyển đến miền Nam Việt Nam. Ở đó, họ thành lập những cộng đồng riêng và bắt đầu tự nhận là người "Hoa Nùng" hay người Nùng gốc Hoa. Tham khảo Châu 2006, trang 112; Zhang W. 1975, trang 89. Những nghiên cứu gần đây về nhận diện người Nùng, tham khảo Hutton 2000, trang 254-76. Hutton chỉ ra rằng (trang 263) người Nùng gốc Hoa khác biệt so với người Thái-Nùng vốn là nhóm dân tộc có quy mô lớn hơn nhiều.

<sup>54</sup> Châu 1992, trang 58-60.

<sup>55</sup> Ước tính vào năm 1955, có 800.000 người Hoa ở miền Nam Việt Nam và trong số đó có trên 570.000 người sống ở khu vực Sài Gòn – Chợ Lớn. Châu 1992, trang 38.

<sup>56</sup> Marsot 1993, trang 95.

<sup>57</sup> Châu 1992.

<sup>58</sup> Purcell 1952, trang 210, 214.

10.000 vào năm 1968;<sup>59</sup> và 13.000 vào năm 1978.<sup>60</sup> Hải Phòng có 8.500 người Hoa vào năm 1913;<sup>61</sup> 10.250 vào năm 1920;<sup>62</sup> 19.000 vào năm 1931<sup>63</sup> và hơn 30.000 vào những năm 1970.<sup>64</sup> Hầu hết người Hoa sống ở khu vực nông thôn thuộc các tỉnh giáp ranh với Trung Quốc, đặc biệt là tỉnh Quảng Ninh.<sup>65</sup>

Giữa hai cộng đồng còn tồn tại những khác biệt sâu xa hơn. Về tự nhiên, cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam gần Trung Quốc hơn rất nhiều so với cộng đồng ở miền Nam Việt Nam, phần đông sống dọc biên giới Việt – Trung. Tiềm lực kinh tế của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam không đáng kể so với những đồng hương người Hoa ở miền Nam. Trong khi người làm kinh doanh chiếm một tỷ lệ lớn dân số Hoa kiều ở miền Nam, nghề nghiệp của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam lại đa dạng hơn. Sau cùng, cư dân người Hoa ở miền Bắc Việt Nam thuộc nhiều dòng dõi khác biệt. Hầu hết người Hoa ở miền Nam đến từ Quảng Đông và Phúc Kiến. Tại miền Bắc Việt Nam, ngoài những cộng đồng đến từ Quảng Đông và Phúc Kiến còn có những cộng đồng quy mô lớn bắt nguồn từ Quảng Tây và Vân Nam.<sup>66</sup>

Cần lưu ý rằng người Hoa thuộc Hán tộc không phải là nhóm người duy nhất di cư từ Trung Quốc sang Việt Nam. Trong số 54 dân tộc Việt Nam được nhận diện chính thức, hơn 20 dân tộc bao gồm những người Hoa nhập cư trong vài thế kỷ gần đây. Chỉ có hai dân tộc Hoa và Ngái nằm trong danh sách người Hoa thuộc Hán tộc theo hệ thống phân loại chính thức của người Hoa. Bài báo này chỉ xét đến dân tộc Hoa và Ngái, bỏ qua nhóm người không thuộc Hán tộc.<sup>67</sup> Đồng thời tôi cũng không đề cập đến bộ phận chuyên gia người Hoa thuộc bộ máy quân sự và chính trị, những người có mặt tại Việt Nam từ 1954 đến 1978.

## **Địa vị công dân ở miền Bắc Việt Nam**

Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu chú ý đến bộ phận người Hoa ở Việt Nam ngay sau khi thành lập vào năm 1930. Chủ trương chính trị đầu tiên của Đảng xem người lao động gốc Hoa là đồng minh của những nhà cách mạng Việt Nam.<sup>68</sup> Sau đó, Đảng giải thích khối liên minh này bắt nguồn từ thực tế rằng cư dân gốc Hoa ở Đông Dương thuộc về một quốc gia nửa thuộc địa. Họ không được hưởng các đặc

<sup>59</sup> *Xin Yue Hua Bao* 27 tháng 11 năm 1968.

<sup>60</sup> Kỳ 1978, trang 18.

<sup>61</sup> Marsot 1993, trang 96.

<sup>62</sup> Châu 1992, trang 35.

<sup>63</sup> Purcell 1952, trang 214.

<sup>64</sup> *Xin Yue Hua Bao*, 10 tháng 8 năm 1974; Kỳ 1978, trang 18.

<sup>65</sup> Nguyen M. 1979, trang 1041; Unger 1987, trang 598; Li B. 1990, trang 18.

<sup>66</sup> Lấy ví dụ, hầu hết những người Hoa ở Quảng Ninh có đất đai tổ tiên nằm ở Quảng Tây. Tham khảo Zhao 1993, trang 11.

<sup>67</sup> Danh sách hoàn chỉnh 19 nhóm dân tộc khác có nguồn gốc từ Trung Quốc, tham khảo Fan H. 1999, trang 162-246.

<sup>68</sup> *Sở Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa*, 1978, trang 17; Kỳ 1978, trang 22.

quyền của người phương Tây và bị người phương Tây bóc lột về nhiều mặt.<sup>69</sup> Khi Chiến tranh Đông Dương lần I nổ ra vào năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh hứa hẹn rằng sau khi đội ngũ Cộng sản đánh bại thực dân Pháp, người Việt và người Hoa sẽ cùng chung sống hạnh phúc tại Việt Nam.<sup>70</sup> Năm 1951, chính quyền Bắc Việt Nam tuyên bố người Hoa được hưởng các quyền lợi tương tự như công dân Việt Nam.<sup>71</sup> Khi hầu hết các quốc gia mới độc lập ở Đông Nam Á quyết định áp dụng chính sách đồng hóa bắt buộc đối với cộng đồng người Hoa và xóa bỏ mối liên hệ giữa cộng đồng người Hoa với Trung Quốc, thì chính quyền Bắc Việt Nam lại thông qua chính sách bình đẳng và khoan dung đối với cư dân gốc Hoa đồng thời thắt chặt mối dây ràng buộc giữa Trung Quốc và cư dân bản địa của mình. Trên thực tế, những năm cuối 1940 và 1950, những người Cộng sản Việt Nam đã chuyển giao phần lớn trách nhiệm tổ chức cộng đồng Hoa kiều cho Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ) bởi họ tin rằng “ĐCSTQ có thể tổ chức cộng đồng Hoa kiều hiệu quả hơn”. Chi nhánh nội địa của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở miền nam Quảng Đông đã gửi những cán bộ nòng cốt cả về chính trị và quân sự đến miền Bắc Việt Nam nhằm tạo lập các cơ sở của đảng cũng như đơn vị quân đội trong lòng cộng đồng Hoa kiều.<sup>72</sup>

Sự chia cắt và nền độc lập của Việt Nam vào năm 1954 đã khiến cho việc giải quyết địa vị công dân người Hoa sống ở hai miền đất nước trở thành vấn đề cấp bách, một hiện trạng tồn tại ở hầu hết các quốc gia Đông Nam Á mới giành độc lập. Vấn đề trầm trọng thêm khi người Mãn Châu và các chính quyền Trung Hoa Dân Quốc thông qua nhiều đạo luật về quốc tịch, thừa nhận lưỡng quyền công dân và quyền công dân theo huyết thống.<sup>73</sup> Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa áp dụng chính sách tương tự khi nắm quyền vào năm 1949. Năm 1952, Đảng Cộng sản Trung Quốc thông qua một chỉ thị trong đó phân biệt tất cả Hoa kiều là “những người lưu trú gốc Hoa”.<sup>74</sup> Tuy nhiên, trong một nỗ lực giành lấy niềm tin từ các nước Đông Nam Á, năm 1955, Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai đã tuyên bố tại hội nghị Bandung rằng Trung Quốc đã thay đổi chính sách và không còn ủng hộ lưỡng quyền công dân. Thay đổi này có nghĩa là những Hoa kiều đã nhập quốc tịch nước ngoài thì không còn là công dân Trung Quốc nữa. Những người không nhập quốc tịch nước ngoài vẫn được xem là kiều bào Trung Quốc, nhưng họ phải tôn trọng phong tục tập quán và tuân thủ luật pháp của quốc gia nơi họ cư trú.

Không bao lâu sau khi Trung Quốc tuyên bố thay đổi chính sách, miền Nam Việt Nam bắt đầu buộc cư dân Hoa kiều nhập tịch. Từ tháng 12 năm 1955 đến

<sup>69</sup> *Xin Yue Hua Bao* 6 tháng 11 năm 1969.

<sup>70</sup> *Xin Yue Hua Bao* 30 tháng 10 năm 1969.

<sup>71</sup> *Xin Yue Hua Bao* 7 tháng 11 năm 1969.

<sup>72</sup> Guo 2007.

<sup>73</sup> Mitchison 1961, trang 45-46; Evans 1990, trang 48.

<sup>74</sup> Woodside 1979, trang 389.

tháng 9 năm 1956, chính quyền ban hành bốn sắc lệnh quy định tất cả những người Hoa sinh ra ở Việt Nam sẽ tự động trở thành công dân Việt Nam. Trẻ em là kết quả của hôn nhân lưỡng tộc giữa người Hoa và người Việt cũng được xem là công dân Việt Nam. Những người không phải là công dân bị loại trừ khỏi mười một ngành nghề và trong vòng 6 đến 12 tháng phải thanh lý hoạt động kinh doanh. Một khi nhập tịch, người Hoa sẽ phải phục vụ trong quân đội và giải thể các bang hội của mình. Chính quyền miền Nam Việt Nam cũng tiến hành các biện pháp nhằm thay đổi hệ thống trường học của người Hoa. Tiếng Việt là ngôn ngữ bắt buộc phải sử dụng trong các trường trung học của người Hoa và người Việt được bổ nhiệm làm hiệu trưởng các trường này.<sup>75</sup>

Trung Quốc chỉ trích gay gắt chính sách nhập tịch bắt buộc của miền Nam Việt Nam và miền Bắc Việt Nam cũng tích cực tham gia vào cuộc công kích. Điển hình, ngày 23 tháng 5 năm 1957, tờ Nhân Dân xuất bản bài báo có nhan đề "Bè lũ Ngô Đình Diệm là kẻ thù chung của người Việt và Hoa kiều". Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam – do đội ngũ Cộng sản hậu thuẫn – liên tục tuyên bố trong các văn kiện "... tất cả sắc lệnh và phương sách mà chế độ bù nhìn của Mỹ áp dụng đối với người Hoa sẽ bị xóa bỏ", và rằng "người Hoa có quyền tự do cũng như quyền lựa chọn quốc tịch của mình".<sup>76</sup> Miền Bắc Việt Nam cũng khuyến khích người Hoa ở miền Bắc tập hợp lực lượng và biểu tình nhằm phản đối các chính sách của Ngô Đình Diệm.<sup>77</sup>

Cách tiếp cận vấn đề quyền công dân của miền Bắc Việt Nam khác biệt so với miền Nam ở hai phương diện. Trước hết, chính sách của miền Bắc Việt Nam đối với quyền công dân khoan dung hơn so với miền Nam; thứ hai, Bắc Việt Nam đón nhận nó không phải với tư cách công việc nội bộ mà là vấn đề giữa Việt Nam và Trung Quốc, đồng thời sẽ đàm phán với Trung Quốc thay vì với cộng đồng người Hoa về vấn đề quyền công dân. Năm 1955, ngay sau khi Trung Quốc thay đổi chính sách lưỡng quyền công dân, miền Bắc Việt Nam khởi động các cuộc đàm phán với Trung Quốc về người Hoa ở Việt Nam và hai chính quyền đi đến thỏa thuận miêng về chuyển đổi người Hoa thành công dân Việt Nam. Năm tiếp theo, nhân chuyến công du đến miền Bắc Việt Nam, Chu Ân Lai thúc giục cộng đồng Hoa kiều nơi đây xem Việt Nam là quê hương. Một thỏa thuận song phương được tiếp nối vào năm 1957, khẳng định người Hoa ở miền Bắc Việt Nam được hưởng các quyền lợi tương tự như công dân Bắc Việt Nam và được khuyến khích tự nguyện nhập quốc tịch Bắc

<sup>75</sup> Fitzgerald 1972, trang 114; Godley 1980, trang 46-47; Minority Rights Group, 1992, trang 26-27; Qiaowu weiyuanhui qiaowu yanjiusuo 1966, trang 30-40.

<sup>76</sup> *Beijing Review* 2 tháng 6 năm 1978; 16 tháng 6 năm 1978.

<sup>77</sup> *Xin Yue Hua Bao* 6 tháng 7 năm 1960; 17 tháng 7 năm 1960a; 17 tháng 7 năm 1960b; 17 tháng 7 năm 1960c.

Việt Nam sau khi “kiên trì và không ngừng thuyết phục cũng như giáo dục tư tưởng”.<sup>78</sup> Theo một nguồn tư liệu Việt Nam, thỏa thuận này đã đưa đại sứ Trung Quốc Luo Guibo đến miền Bắc Việt Nam và tuyên bố: “chúng ta phải tiến hành chuyển đổi toàn bộ người Hoa thành công dân Việt Nam trong khoảng thời gian 8 đến 10 năm, hoặc lâu hơn một chút”.<sup>79</sup> Nhằm thuyết phục người Hoa chấp nhận đồng hóa, chính quyền Bắc Việt Nam đã thành lập Tiểu Ban công tác người Hoa vào năm 1956 và Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam vào năm 1958.<sup>80</sup> Hai chính quyền cùng nhau khởi động một chiến dịch tuyên truyền nhằm quảng bá các khẩu hiệu như “xây dựng Việt Nam cũng như xây dựng Trung Hoa” đồng thời chỉ trích tư duy “đại Trung Hoa” và “tư duy làm khách”.<sup>81</sup> Chính quyền Bắc Việt Nam cũng khởi động chiến dịch phổ cập giáo dục, khuyến khích người Hoa học đọc và viết tiếng Việt.<sup>82</sup>

Người Hoa và chính quyền Bắc Việt Nam rõ ràng đồng ý từ từ tiếp cận vấn đề nhập tịch và về phía nội bộ cộng đồng người Hoa, một số nhóm nhỏ sẽ được nhập tịch trước các nhóm khác. Nhìn chung, họ mong muốn người Hoa ở nông thôn mang quốc tịch Việt Nam trước bộ phận người Hoa ở thành thị. Sự phân hóa có thể liên quan đến quy mô dân số và vị trí địa lý của người Hoa ở nông thôn. Như đã đề cập, đa số người Hoa ở miền Bắc Việt Nam sống ở nông thôn. Ngoài ra, họ sống dọc vùng biên giới chiến lược Việt-Trung. Một trong những nhóm người Hoa đông đảo nhất ở nông thôn là dân tộc Ngái, nhiều thế hệ trước đây đã di cư từ miền nam Trung Quốc đến tỉnh Quảng Ninh của Việt Nam. Bộ phận dân số này được cho là bao gồm những người nói tiếng Hẹ (Khách Gia) và một số khác đến từ Vân Nam.<sup>83</sup> Mặc dù quy mô dân số chính xác vẫn chưa rõ ràng, ước tính có 160.000 người Hoa ở Quảng Ninh vào năm 1978, chiếm 22% dân số toàn tỉnh. Những số liệu này đã biến người Hoa ở Quảng Ninh thành cộng đồng lớn thứ hai tại đất nước Việt Nam thống nhất, chỉ đứng sau cộng đồng ở Chợ Lớn.<sup>84</sup> Họ tập hợp thành bốn huyện trong tỉnh, chiếm từ 50% đến 60% dân số mỗi huyện. Họ tham gia vào hoạt động nông nghiệp, ngư nghiệp, khai thác mỏ, chế tạo gốm sứ, buôn bán và dịch vụ.<sup>85</sup>

Ngay từ tháng 10 năm 1945, chính quyền Bắc Việt Nam đã chủ trương tất cả dân tộc thiểu số ở Việt Nam, ngoại trừ “những người lưu trú gốc Hoa” thuộc tầng

<sup>78</sup> Evans 1990, trang 49.

<sup>79</sup> Unger 1987, trang 602.

<sup>80</sup> Châu 2006, trang 111.

<sup>81</sup> Zhuang S. 6 tháng 3 năm 1960; *Xin Yue Hua Bao* 30 tháng 3 năm 1960.

<sup>82</sup> *Xin Yue Hua Bao* 19 tháng 4 năm 1960; 12 tháng 5 năm 1960; 22 tháng 5 năm 1960; 19 tháng 4 năm 1961.

<sup>83</sup> Purcell 1952, trang 218; Unger 1987, trang 612; Fan H. 1999, trang 299.

<sup>84</sup> Kỳ 1978, trang 18. Theo Qing 1996, tổng dân số của Quảng Ninh là 664.000 vào tháng 1 năm 1976, bao gồm 142.000 người Hoa và người Hoa chiếm 21,4% tổng dân số.

<sup>85</sup> Nguyễn V. 1978, trang 41-42.

lớp tư bản thành thị, đều là công dân Việt Nam.<sup>86</sup> Tuy nhiên, chính sách này không được thực thi hiệu quả. Đó là nguyên nhân Thủ tướng Trung Quốc Chu Ân Lai thúc giục người Hoa ở Quảng Ninh nhập quốc tịch Việt Nam vào năm 1956, cuộc hô hào đã gặp phải sự phản đối từ cư dân Hoa kiều. Một tư liệu của Việt Nam cho hay vào năm 1957, đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội và chính quyền Bắc Việt Nam nhất trí quan điểm người Ngái ở Quảng Ninh được xem là công dân Việt Nam, trong khi vấn đề quốc tịch cho người Hoa sống tại các khu vực khác thuộc miền Bắc Việt Nam bị trì hoãn.<sup>87</sup>

Chính sách phân hóa người Ngái khỏi cộng đồng người Hoa ở thành thị có khả năng góp phần loại trừ họ ra khỏi Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam, một tổ chức chủ yếu bao gồm Hoa kiều tại các thành phố lớn như Hà Nội, Hải Phòng và Nam Định.<sup>88</sup> Việc phân hóa này cũng khiến cho chính quyền Việt Nam dùng đến một thuật ngữ riêng biệt đối với người Hoa ở Quảng Ninh. Trong một bài báo nhắc đến người Hoa ở Quảng Ninh năm 1965, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh dùng thuật ngữ “người Hán” (dân tộc Hán) thay cho Hoa kiều (người Hoa ở hải ngoại).<sup>89</sup> Bài báo viết về nông dân và ngư dân ở đảo Cô Tô cũng gọi họ là người Hán thay vì Hoa kiều,<sup>90</sup> trong khi nông dân người Hoa tại các tỉnh phía Bắc khác vẫn được gọi là Hoa kiều.<sup>91</sup> Nhìn chung, việc áp dụng chính sách phân hóa này không mấy ảnh hưởng tức thời đến người Ngái và bộ phận người Hoa ở nông thôn – họ vẫn có thể dễ dàng vượt qua biên giới mà không cần hộ chiếu. Thời kỳ khủng hoảng những năm cuối 1970, Việt Nam tuyên bố người Hoa ở miền Bắc đã tự nguyện trở thành những công dân Việt Nam thực sự, nhưng Trung Quốc biện luận rằng hầu hết những nỗ lực khuyến khích họ nhập quốc tịch Việt Nam đều thất bại.<sup>92</sup> Cuối những năm 1970, nhiều người Ngái trở về Trung Quốc hoặc đến các quốc gia khác cùng với người Hoa. Năm 1979, chính quyền Việt Nam thừa nhận những người ở lại là nhóm dân tộc riêng biệt, độc lập với dân tộc Hoa.<sup>93</sup>

Năm 1961, miền Bắc Việt Nam và Trung Quốc đi đến một thỏa thuận khác, theo đó đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội sẽ ngừng phát hành hộ chiếu cho người Hoa ở Việt Nam. Người Hoa muốn đi thăm Trung Quốc phải nộp đơn xin chính phủ

<sup>86</sup> Woodside 1979, trang 389.

<sup>87</sup> Unger 1987, trang 609. Một nghiên cứu gần đây về người Ngái, tham khảo Hutton 2000, trang 254-76.

<sup>88</sup> Chính quyền Việt Nam về sau lập luận rằng bộ phận người Hoa ở thành thị cũng cần được xem là công dân Việt Nam vì ba lý do: thứ nhất, họ được đối xử như công dân Việt Nam; thứ hai, tổng hội của họ nằm dưới sự kiểm soát của Đảng Lao Động Việt Nam; và thứ ba, họ không có hộ chiếu do Trung Quốc cấp hay thẻ cư trú vĩnh viễn do Việt Nam cấp. Kỳ 1978, trang 23.

<sup>89</sup> Nguyễn T. 7 tháng 9 năm 1965.

<sup>90</sup> *Xin Yue Hua Bao* 13 tháng 5 năm 1961; Hồng 14 tháng 5 năm 1964.

<sup>91</sup> *Xin Yue Hua Bao* 27 tháng 4 năm 1963; 20 tháng 11 năm 1963.

<sup>92</sup> *Cankao Xiaoxi*, 18 tháng 6 năm 1978; Hãng thông tấn Xinhua, 15 tháng 6 năm 1978.

<sup>93</sup> Fan H. 1999, trang 73; trang 219-20; Fan H. 2004, trang 264.

Việt Nam chấp thuận. Sau khi chấp thuận, đơn sẽ được trình lên đại sứ quán Trung Quốc, nơi sẽ cấp visa du lịch và giấy thông hành cho người nộp đơn. Đây là một bước rất quan trọng trong quá trình nhập tịch của cư dân gốc Hoa mặc dù Việt Nam vẫn chưa có thẩm quyền cấp hộ chiếu phổ thông cho họ. Điều này về cơ bản khiến cho người Hoa ở miền Bắc Việt Nam trở thành “người không có hộ chiếu”.<sup>94</sup>

Thời kỳ Cách mạng Văn hóa Trung Quốc, khởi đầu vào năm 1966, người Hoa ở miền Bắc Việt Nam gây nên nhiều xáo trộn. Họ tổ chức các cuộc biểu tình chống lại “bá quyền Liên Xô” và tiến hành các cuộc tuần hành “ủng hộ đường lối Mao-ít” tại Hà Nội.<sup>95</sup> Về sau, các lãnh đạo Việt Nam đã cáo buộc rằng trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, “các Hoa kiều phản động đã truyền bá ‘tư tưởng Mao Trạch Đông’ và ‘Cách mạng Văn hóa’, xuyên tạc đường lối chính trị của Việt Nam và thiết lập một mạng lưới tình báo”.<sup>96</sup> Đây không phải những cáo buộc thiếu căn cứ. Thời kỳ này, *Tân Việt Hoa Báo (Xin Yue Hua Bao)*, cơ quan tin tức của Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam, tràn ngập các báo cáo về người Hoa ở Việt Nam hô hào khẩu hiệu cách mạng, hát bài hát cách mạng, lên án chủ nghĩa xét lại, học tập đường lối của Chủ tịch Mao Trạch Đông và thể hiện lòng trung thành với vị lãnh đạo này.<sup>97</sup> Bí thư Đảng ủy của một trường tiểu học người Hoa ở Hà Nội về sau nhớ lại, trong thời kỳ Cách mạng Văn hóa, trường học trở nên hỗn loạn bởi các cuộc xung đột giữa các bè phái chính trị khác nhau.<sup>98</sup>

Nếu người Hoa ở miền Bắc Việt Nam sẵn sàng trở thành công dân Việt Nam trước cuộc Cách mạng Văn hóa thì Cách mạng Văn hóa đã đảo ngược, hay ít ra là trì hoãn tình hình. Mặc dù Trung Quốc đồng ý chuyển giao các vấn đề về cộng đồng Hoa kiều cho chính quyền Bắc Việt Nam vào năm 1957,<sup>99</sup> một tuyên bố của Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam năm 1967 ghi nhận rằng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam chịu sự chỉ đạo của “hai chính quyền và hai đảng”.<sup>100</sup> Các viên chức đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội một lần nữa lại can thiệp sâu vào vấn đề người Hoa ở địa phương. Trong chuyến viếng thăm vài trường học người Hoa tại Hà Nội, một bí thư đến từ đại sứ quán Trung Quốc bình luận rằng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam có quyền và nghĩa vụ đọc báo chí tiếng Hoa, nghe các chương trình phát thanh tiếng Hoa và thể hiện lòng trung thành với Chủ tịch Mao như người Hoa vốn

<sup>94</sup> Hoàng 1978, trang 11; Bộ Ngoại Giao, Việt Nam 1978.

<sup>95</sup> Amer 1991, trang 17.

<sup>96</sup> Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam 1979, trang 38.

<sup>97</sup> *Xin Yue Hua Bao* 19 tháng 10 năm 1966; 27 tháng 11 năm 1966; 11 tháng 12 năm 1966; 25 tháng 12 năm 1966; 5 tháng 7 năm 1967; 14 tháng 7 năm 1967.

<sup>98</sup> *Xin Yue Hua Bao* 7 tháng 12 năm 1973

<sup>99</sup> Porter 1980, trang 55.

<sup>100</sup> *Xin Yue Hua Bao* 21 tháng 9 năm 1967.

làm ở Trung Quốc, rằng cộng đồng người Hoa và đại sứ quán Trung Quốc ràng buộc bởi tình máu mủ.<sup>101</sup>

Phản ứng trước những động thái và bình luận cực đoan này, chính quyền Việt Nam tiến hành những nỗ lực đặc biệt nhằm ngăn chặn người Hoa nghe các chương trình phát thanh tiếng Hoa, đọc báo cũng như tạp chí tiếng Hoa. Một số người Hoa giữ các chức vụ trong Đảng, quân đội hay chính phủ đều bị giáng chức. Chính quyền cũng tiến hành kiểm soát đối với các trường học người Hoa được Việt hóa.<sup>102</sup> Ngoài ra, chính quyền phát động chiến dịch Ba Chia Sẻ và Hai Tốt (chia sẻ vui buồn, sống chết, nghĩa vụ với người Việt đồng thời lao động tốt và chiến đấu tốt) nhằm hòa nhập người Hoa và người Việt.<sup>103</sup> Sau cùng, miền Bắc Việt Nam lại bắt đầu khuyến khích người Hoa nhập quốc tịch Việt Nam nhưng một lần nữa, họ thể hiện thái độ miễn cưỡng.<sup>104</sup> Báo cáo cho hay, sau tháng 3 năm 1967, chính quyền địa phương Lào Cai ngược đãi người Hoa và buộc họ phải nhập quốc tịch Việt Nam. Để phản đối, mười sinh viên người Hoa từ Lào Cai đã vượt biên trong đêm và có mặt tại Trung Quốc. Tháng 12 năm 1967, khoảng 1.000 người Hoa đã đặt chân đến Trung Quốc. Chính quyền Trung Quốc động viên họ trở về Việt Nam nhưng 101 người được phép ở lại Trung Quốc. Gần 400 người Hoa từ Việt Nam dời sang Trung Quốc năm 1968 vì những lý do tương tự và hầu hết được phép ở lại.<sup>105</sup> Nhiều người Hoa rõ ràng đã phớt lờ lời kêu gọi nhập tịch bởi vào năm 1976, Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam một lần nữa phải hối thúc bộ phận người Hoa ở thành thị tự nguyện nhập quốc tịch Việt Nam.<sup>106</sup>

So với các nước Đông Nam Á khác, cho đến cuối những năm 1970, kế hoạch chuyển đổi quốc tịch cho cư dân người Hoa của miền Bắc Việt Nam bất thành, một thất bại đặc biệt nghiêm trọng nếu xét quy mô nhỏ bé của cộng đồng người Hoa nơi đây. Một trong những nguyên nhân quan trọng nhất cho thất bại là bản chất ôn hòa của chính sách Bắc Việt Nam đối với người Hoa. Ở các nước như Malaysia, miền Nam Việt Nam và Indonesia, chính quyền có khả năng buộc người Hoa thay đổi quốc tịch, nhưng ở miền Bắc Việt Nam, theo như thỏa thuận giữa hai chính quyền Bắc Việt Nam và Trung Quốc, biện pháp duy nhất được áp dụng là thuyết phục và giáo dục nhưng rốt cuộc chẳng mấy hiệu quả.

Chính sách của miền Bắc Việt Nam đối với người Hoa không chỉ ôn hòa mà còn mang tính mâu thuẫn nội tại. Một mặt, chính quyền Bắc Việt Nam hăm dọa động viên người Hoa trở thành công dân Việt Nam; mặt khác, chính quyền không chỉ trao

<sup>101</sup> *Như trên.*

<sup>102</sup> Fu 2004, trang 305.

<sup>103</sup> *Xin Yue Hua Bao* 20 tháng 8 năm 1966.

<sup>104</sup> Benoit 1981, trang 148.

<sup>105</sup> *He Kou Xian Zhi*, 1994, trang 608-09.

<sup>106</sup> *Xin Yue Hua Bao* 1 tháng 9 năm 1976.



cho người Hoa tất cả các quyền công dân Việt Nam được hưởng vào thời điểm trước khi họ mang quốc tịch Việt Nam mà còn trao cho người Hoa đặc quyền nếu họ vẫn duy trì quốc tịch Trung Quốc. Giống như công dân Việt Nam, người Hoa được phép tham gia bầu cử, tham gia Đảng Lao Động và làm công chức.<sup>107</sup> Đặc quyền chủ yếu nhất đối với người Hoa là miễn trừ quân dịch: suốt cuộc chiến tranh kéo dài với Mỹ và miền Nam Việt Nam, người Hoa ở miền Bắc Việt Nam không có nghĩa vụ tham gia quân đội.<sup>108</sup> Một người Hoa tị nạn ở Việt Nam giải thích rằng vào năm 1978, nhiều người Hoa không muốn mang quốc tịch Việt Nam vì địa vị ấy sẽ gắn liền với các nghĩa vụ quân sự cũng như chế độ phục dịch khác. Vài người tị nạn thừa nhận, một trong những lý do họ dời đến Trung Quốc những năm cuối 1970 là vì họ không muốn bị gửi sang tham chiến ở Campuchia.<sup>109</sup>

Hoa kiều cũng được hưởng tự do thương mại nhiều hơn công dân Việt Nam. Vấn đề xã hội hóa người Hoa ở miền Bắc Việt Nam bắt đầu vào những năm cuối 1950 và bao gồm hai chính sách: một là khuyến khích các thương nhân cùng thợ thủ công người Hoa tự tổ chức thành các hợp tác xã, và hai là khuyến khích một số thương nhân người Hoa trở thành *chủ thể sản xuất*, theo cách nói của chủ nghĩa cộng sản, tức là công nhân nhà máy hoặc nông dân.<sup>110</sup> Quá trình chuyển đổi ấy chưa được hoàn tất cho đến giữa năm 1974.<sup>111</sup> Đối với nhiều người Việt Nam, việc người Hoa có thể qua lại Trung Quốc là một đặc quyền khác, bởi lý do những chuyến viếng thăm này tạo cơ hội để người Hoa buôn lậu hàng Trung Quốc như nước hoa, bột, rượu, và dược thảo. Người ta tin rằng người Hoa kiểm soát một mạng lưới hàng hóa chợ đen.<sup>112</sup> Thời kỳ 1974 và 1975, Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam báo cáo tình trạng có quá nhiều thương nhân bán lẻ người Hoa và một vài trong số đó dính líu đến kinh doanh phi pháp.<sup>113</sup> Một người Việt tị nạn đến từ miền Bắc Việt Nam nhớ về các cư dân Hoa kiều:

Họ hưởng nhiều đặc quyền mà ngay cả người Việt chúng tôi không có được. Chẳng nào quan hệ Việt – Trung còn tốt đẹp, họ khá giả về mọi mặt so với người Việt – những người buộc phải tham gia vào lực lượng lao động xã hội chủ nghĩa. Họ có những cơ hội giáo dục mà chúng tôi không được đón nhận và quyền tự do mua bán rộng rãi hơn. Chính quyền muốn người Hoa trở

<sup>107</sup> *Xin Yue Hua Bao*, 20 tháng 3 năm 1960.

<sup>108</sup> Mai 1978, trang 56. Ngay cả trước thời thuộc Pháp, Hoa kiều ở Việt Nam cũng thừa hưởng đặc quyền ấy; Purcell 1952, trang 224.

<sup>109</sup> *Cankao Xiaoxi* 13 tháng 5 năm 1978; 1 tháng 6 năm 1978.

<sup>110</sup> *Xin Yue Hua Bao* 16 tháng 1 năm 1960; 20 tháng 1 năm 1960; 23 tháng 1 năm 1960; 25 tháng 1 năm 1960; 27 tháng 1 năm 1960; 1 tháng 2 năm 1960; 13 tháng 6 năm 1965; 13 tháng 8 năm 1966; Zhuang Y. 1960.

<sup>111</sup> Stern 1986, trang 284.

<sup>112</sup> Benoit 1981, trang 144.

<sup>113</sup> *Xin Yue Hua Bao* 10 tháng 8 năm 1974; 29 tháng 3 năm 1975.

thành công dân để họ tham gia vào quá trình sản xuất xã hội chủ nghĩa như người Việt, nhưng họ từ chối nhằm có thêm tự do và tránh chế độ quân dịch.<sup>114</sup>

Một người Hoa tị nạn từ miền Bắc Việt Nam cũng đồng tình: “Vẹn cả đôi đường. Người Hoa ở miền Bắc có mọi quyền cũng như đặc quyền của công dân Việt Nam mà không chịu bất lợi nào”.<sup>115</sup> Một bác sĩ người Việt gốc Hoa khẳng định rằng bệnh nhân người Hoa được đối xử tốt hơn người Việt tại các bệnh viện của Bắc Việt Nam.<sup>116</sup> Thậm chí vào năm 1978, khi Trung - Việt khởi động cuộc khẩu chiến quyết liệt vì vấn đề người Hoa ở Việt Nam, chính quyền Trung Quốc vẫn thừa nhận rằng trước năm 1975, Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam được đối đãi tốt.<sup>117</sup> Năm 1978, chính quyền Việt Nam lý luận rằng sở dĩ người Hoa được đối xử tốt bởi họ được xem là công dân Việt Nam chứ không phải người nước ngoài và chính quyền Việt Nam trao nhiều quyền lợi cho người Hoa ở Việt Nam hơn là Trung Quốc trao cho người Việt ở Trung Quốc.<sup>118</sup> Nhưng khi trao đặc quyền cho người Hoa, chính quyền Việt Nam vẫn duy trì một truyền thống bắt nguồn từ chính quyền thực dân Trung Quốc mà vài triều đại Việt Nam cũng như chính quyền thực dân Pháp còn giữ lại, trái ngược với ý định công khai là đối xử với người Hoa như công dân Việt Nam.<sup>119</sup> Đối xử ưu đãi có thể đã tác động mạnh đến việc gia tăng sự khác biệt mà người ta nhận thấy giữa người Việt và người Hoa, thúc đẩy cảm giác ưu việt của người Hoa và một sự gắn kết mang tính ảo tưởng với Trung Quốc, tất cả những điều này khiến họ miễn cưỡng đồng hóa.

Cần lưu ý rằng mặc dù phần đông Hoa kiều vui vẻ chấp nhận những đặc ân mà chính quyền mang lại, cũng có nhiều người tự nguyện từ bỏ đặc quyền và hành xử như những công dân tận tụy của Việt Nam. Điển hình là từ năm 1964 đến 1975, khoảng 1.800 người Hoa ở Quảng Ninh gia nhập quân đội mỗi năm. Suốt thời kỳ chiến tranh Việt Nam, tổng cộng 22.000 người Hoa tại tỉnh này đã tham gia quân đội.<sup>120</sup> Nhiều người Hoa từ các tỉnh và các thành phố lớn khác như Hà Nội và Hải Phòng cũng tình nguyện tham gia quân ngũ.<sup>121</sup> Thời kỳ 1967 đến 1974, chính quyền Bắc Việt Nam công nhận hai mươi bảy người Hoa ở Hải Phòng là các liệt sĩ bởi họ đã hy sinh thân mình cho “cuộc cách mạng Việt Nam nhằm bảo vệ thành phố Hải Phòng anh hùng”. Từ năm 1969 đến 1972, hơn 100 người Hoa ở Hải Phòng được trao danh hiệu “Lao Động Kiểu Mẫu” và hơn 1.000 người được trao danh hiệu

<sup>114</sup> Benoit 1981, trang 148.

<sup>115</sup> Benoit 1981, trang 144.

<sup>116</sup> Nguyễn V. 1978, trang 43.

<sup>117</sup> Chang P.M. 1982, trang 197.

<sup>118</sup> Hoàng 1978, trang 12; Sở Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa, 1978, trang 17.

<sup>119</sup> Một tuyên bố trong Bộ Văn Hóa và Thông Tin Việt Nam, 1978, trang 6.

<sup>120</sup> Fu 2004, trang 296.

<sup>121</sup> Tham khảo *Xin Yue Hua Bao* 1 tháng 6 năm 1965; 30 tháng 8 năm 1966; 18 tháng 10 năm 1966.

“Lao Động Tiên Tiến”. Cùng thời kỳ, các cá nhân người Hoa ở Hải Phòng nhận 24 Huân chương Hồ Chí Minh, 11 Huân chương Lao Động, 5 Huân chương Quân Công, 2 Huân chương Kháng Chiến từ chính phủ và 10 bằng khen do Phủ Thủ tướng trực tiếp trao tặng.<sup>122</sup> Nhiều lãnh đạo Bắc Việt Nam, từ Chủ tịch Hồ Chí Minh cho đến Lê Duẩn, không ngừng tuyên dương các cư dân gốc Hoa vì sự đóng góp của họ đối với cách mạng Việt Nam trước năm 1978<sup>123</sup> và về sau, chính phủ Việt Nam tiếp tục công nhận những đóng góp này.

Bản chất khoan dung và mâu thuẫn nội tại từ chính sách của miền Bắc Việt Nam đối với người Hoa chỉ có thể giải thích bằng mong muốn mãnh liệt của các lãnh đạo Bắc Việt là duy trì quan hệ bền chặt với Trung Quốc, động thái mà họ nghĩ rằng có lợi cho nỗ lực tái thống nhất và tái thiết Việt Nam. Họ đối xử với người Hoa ở miền Bắc Việt Nam như những đại diện của Trung Quốc, tin tưởng rằng việc trao cho họ các đặc quyền sẽ thúc đẩy tình hữu nghị và đoàn kết giữa hai nước Việt – Trung.

### **Trường học người Hoa**

Vấn đề mấu chốt khác trong quan hệ ba bên giữa chính quyền Bắc Việt Nam, cộng đồng người Hoa và Trung Quốc đó là hệ thống trường học của người Hoa. Không giống với một số chính quyền Đông Nam Á vốn chọn hình thức đóng cửa, hạn chế trường học người Hoa hoặc khiêm tốn nhất là rút nguồn tài trợ từ chính phủ, chính quyền Bắc Việt Nam không chỉ cho phép trường học của người Hoa hoạt động mà còn đem lại hỗ trợ cũng như quyền tự do rộng rãi. Ngoài ra, suốt một thời kỳ dài, chính quyền Bắc Việt Nam cho phép Trung Quốc kiểm soát tuyệt đối các trường học này.

Trường học của người Hoa xuất hiện ở miền Bắc Việt Nam vào đầu thế kỷ thứ 20, ban đầu chỉ ở cấp tiểu học. Vài trường giảng dạy các tác phẩm Nho giáo, trong khi số khác lại áp dụng chương trình học hiện đại. Năm 1935, hai trường cấp hai được thành lập ở Hà Nội và Hải Phòng và năm 1938, một trường cấp hai nữa được xây dựng ở Nghệ An. Vào thời điểm đó, hệ thống trường cấp hai này được xem là bất hợp pháp vì người Pháp không trao cho người Hoa quyền thành lập trường cấp hai mãi đến năm 1946.<sup>124</sup> Ước tính những năm đầu 1950, có gần 50 trường học của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam với tổng cộng khoảng 5.000 học sinh. Năm 1960, số trường học của người Hoa ở Bắc Việt Nam đã tăng trên 100.

<sup>122</sup> Li B. 1990, trang 143.

<sup>123</sup> Li B. 1990, trang 139-43.

<sup>124</sup> Li B. 1990, trang 37-41; Marsot 1993, trang 119.

Trung Quốc bắt đầu kiểm soát hệ thống trường học người Hoa ở miền Bắc Việt Nam thời kỳ Chiến tranh Đông Dương lần I, khi chính quyền Bắc Việt Nam quyết định chuyển giao các vấn đề liên quan đến cộng đồng người Hoa cho Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1954, đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội hỗ trợ tái thiết hệ thống trường học của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam và giao cho Ban Công tác Hoa kiều của Trung Quốc quản lý. Trung Quốc cung cấp nguồn tài trợ, lãnh đạo, tất cả sách giáo khoa và trang thiết bị giảng dạy. Một chương trình đào tạo giáo viên được tổ chức tại Hà Nội nhằm huấn luyện giáo viên người Hoa ở miền Bắc Việt Nam đồng thời các giám đốc của chương trình đến từ Trung Quốc.<sup>125</sup> Những học sinh đạt điểm số cao nhất ở trường cấp hai được gửi sang Trung Quốc để học nâng cao một khi tốt nghiệp và sau khi học xong, hầu hết đều trở lại Việt Nam.<sup>126</sup>

Tại các quốc gia Đông Nam Á áp dụng chính sách đồng hóa bắt buộc đối với người Hoa, thay đổi quốc tịch thường đi đôi với nhiều biện pháp nhằm mục đích thay đổi bản sắc văn hóa của người Hoa. Vấn đề này được cho là cần thiết bởi lãnh đạo của các quốc gia ấy nhận thức rằng việc thay đổi quốc tịch chẳng mấy ý nghĩa trừ khi nó làm thay đổi các nhân tố khiến người Hoa trung thành với Trung Quốc. Cấm người Hoa thăm viếng Trung Quốc, buộc họ từ bỏ tên gốc Hoa và hạn chế báo chí cũng như trường học người Hoa, v.v... được liệt kê trong danh sách các biện pháp. Ở một số nước, những chính sách như thế đạt được thành công nhất định trong việc thay đổi niềm tin chính trị và bản sắc văn hóa của người Hoa suốt tiến trình kéo dài hai hoặc ba thập kỷ. Năm 1985, Wang Gungwu từng giải thích:

Xu hướng phát triển chủ yếu trong vòng ba mươi năm qua, ngoại trừ Singapore, đó là nhóm dân tộc Hoa ở tất cả các quốc gia Đông Nam Á đã không còn mang bản chất Trung Hoa rõ rệt như trước đây. Một phần là bởi ba mươi năm qua, không còn đợt di cư mới của người Hoa vào khu vực, và một phần là bởi nỗ lực quyết tâm của tất cả các chính phủ nhằm hòa nhập đại bộ phận người Hoa vào cộng đồng dân tộc. Về tổng thể, thành công sau này đạt được dễ dàng hơn nhờ tình trạng di cư đã đi đến hồi kết. Hiện nay, hầu hết người Hoa ở Đông Nam Á không còn đọc và viết tiếng Hoa, đa số không thể nói một hoặc hai thổ ngữ, khó nhận ra vài người là người Hoa, một số thậm chí không thừa nhận mình là người Hoa.<sup>127</sup>

Theo thỏa thuận Việt – Trung ký kết năm 1955, người Hoa ở Việt Nam được khuyến khích nhập tịch Việt Nam thông qua “giáo dục và thuyết phục”. Nhưng làm cách nào chính phủ Việt Nam có thể giáo dục người Hoa nếu chính phủ thậm chí

<sup>125</sup> Năm học 1960-1961, chương trình được đổi thành Trường Sư Phạm Hoa Kiều. *Xin Yue Hua Bao* 7 tháng 7 năm 1960.

<sup>126</sup> Unger 1987, trang 598-601; Li B. 1990, trang 42-43.

<sup>127</sup> Wang 1985, trang 37-38.

còn không kiểm soát các trường học người Hoa? Chắc chắn rằng ở miền Bắc Việt Nam, mỗi nỗ lực do chính quyền tạo ra nhằm thúc đẩy việc chuyển đổi quốc tịch người Hoa đi đôi với những nỗ lực nhằm kiểm soát hệ thống trường học người Hoa và thực hiện các biện pháp cải cách giáo dục. Điển hình, vào năm 1957, hai năm sau khi Trung Quốc thay đổi chính sách lưỡng quyền công dân, chính quyền Bắc Việt Nam và Trung Quốc ký kết một thỏa thuận định rõ "mọi công tác chinh đốn đối với người Hoa, bao gồm các vấn đề về tổ chức quy mô lớn, báo chí, trường học, bệnh viện và tất cả các hội cứu trợ dành cho thất nghiệp cũng như phúc lợi xã hội, kể từ nay sẽ do phía Việt Nam đảm trách".<sup>128</sup> Việc chuyển giao bắt đầu vào năm 1958<sup>129</sup> và hoàn thành vào năm 1962<sup>130</sup> đồng thời đánh dấu bước khởi đầu của quy trình Việt Nam hóa đối với cộng đồng Hoa kiều, đặc biệt là các trường học người Hoa. Khoảng năm 1960, trường học người Hoa bắt đầu mở các lớp tiếng Việt và sách giáo khoa được xét duyệt lại nhằm bổ sung thêm nguồn tư liệu về Việt Nam.<sup>131</sup> Cùng thời điểm đó, nhiều lớp học tiếng Hoa giảm xuống, tình trạng mất cân bằng số lượng học viên trong các trường người Hoa được điều chỉnh, đội ngũ quản lý và giáo viên đến từ Trung Quốc dần được thu hẹp, học sinh tại các trường người Hoa không còn sang Trung Quốc để nâng cao trình độ.<sup>132</sup>

Năm 1970, phản ứng trước những hành động cực đoan của một số cư dân người Hoa, miền Bắc Việt Nam một lần nữa yêu cầu Hoa kiều nhập quốc tịch Việt Nam. Một làn sóng Việt Nam hóa mới lại bắt đầu, tập trung vào hệ thống trường học người Hoa.<sup>133</sup> Kế hoạch cải cách giáo dục dưới hình thức mới của chính phủ được đề xuất đầu năm 1969 và thực thi vào năm học 1970-1971. Nhiều thay đổi diễn ra sau đó. Về giáo dục chính trị, chương trình mới nhấn mạnh việc giảng dạy các chính sách của Đảng và chính phủ Việt Nam thay vì chính sách từ Trung Quốc, nhằm mục đích phổ biến cho học sinh về "quê hương, quân đội và dân tộc ta" cũng như củng cố lòng trung thành của bộ phận này đối với Việt Nam. Tư tưởng truyền bá ấy ngấm vào toàn bộ chương trình học, đặc biệt các môn như văn học, lịch sử và chính trị. Báo cáo cho hay, mới đầu một số giáo viên người Hoa cảm thấy khó chịu khi giảng "quê hương Việt Nam trù phú và tươi đẹp của chúng ta", nhưng về

<sup>128</sup> Porter 1980, trang 55.

<sup>129</sup> Waijiaobu lingshisi 1978.

<sup>130</sup> Li B. 1990, trang 43.

<sup>131</sup> *Xin Yue Hua Bao* 30 tháng 12 năm 1961; Zhuang Y. 8 tháng 2 năm 1961.

<sup>132</sup> Unger 1987, trang 598-604.

<sup>133</sup> Vào thời điểm đó, Cộng đồng người Hoa ở Hải Phòng có 6 trường tiểu học, 2 trường trung học đệ nhất cấp, 1 trường trung học đệ nhị cấp và 3 lớp đào tạo giáo viên. Tổng số học viên người Hoa ở Hải Phòng vào khoảng 2.000. Tại Hà Nội, có một trường trung học, một trường sư phạm và ít nhất 2 trường tiểu học của người Hoa. Nam Định có hai trường người Hoa, cả hai đều giảng dạy chương trình tiểu học lẫn trung học. Huang She 9 tháng 2 năm 1970; *Xin Yue Hua Bao* 21 tháng 9 năm 1967; *Xin Yue Hua Bao* 8 tháng 7 năm 1970.

sau đã xóa bỏ được “tư duy làm khách”. Các lớp học về ngôn ngữ cũng được cải cách. Sách giáo khoa tiếng Hoa được viết lại cho mọi cấp lớp, bổ sung thêm thông tin về nền văn học và lịch sử Việt Nam, loại trừ bất cứ yếu tố nào có thể khơi dậy bản sắc Trung Hoa mà hiện nay chính quyền Việt Nam gọi là “chủ nghĩa dân tộc phản động”. Các lớp tiếng Việt được tăng cường nhằm cho phép học sinh hòa nhập hoàn toàn với xã hội Việt Nam sau khi tốt nghiệp. Tất cả các môn học ngoại trừ tiếng Hoa được giảng dạy bằng tiếng Việt. Trước đó, nhiều học sinh người Hoa không thể đọc tiếng Việt và đa số không thể tiếp tục theo học tại các trường đại học Việt Nam cho dù có khả năng được tiếp nhận (họ được phép thi đầu vào đại học bằng tiếng Hoa). Nhằm thích ứng với hệ thống trường học Việt Nam, thời gian đào tạo của các trường tiểu học người Hoa giảm từ 6 năm xuống 5 năm và cuối cùng là 4 năm. Chương trình mới cũng phân bổ thêm thời gian cho giáo dục kỹ thuật.

Cải cách không chỉ tạo ra thay đổi trong chương trình học mà còn kêu gọi tái tổ chức trường lớp nhằm mục đích xóa bỏ “vách ngăn” giữa các trường học của người Hoa và người Việt, gắn kết học sinh Hoa – Việt với nhau. Trường học người Hoa bắt đầu tiếp nhận học sinh Việt và trường Việt cũng bắt đầu nhận học sinh người Hoa. Điển hình, vào năm học 1973-1974, hai trường tiểu học Việt Nam tại Hải Phòng tuyển học sinh người Hoa. Năm học 1971-1972, tại Trường Trung học Tuan Jie (Đoàn Kết) của người Hoa ở Hải Phòng, học sinh người Việt chiếm 30%, tỷ lệ này tăng lên 50% vào năm tiếp theo. Tại Hà Nội, Trường Trung học Zhonghua (Trung Hoa) được đổi tên thành Trường Cấp Ba Phạm Hồng Thái và tiếp nhận học sinh Việt vào năm 1973. Năm 1976, cứ mỗi sáu học sinh thì chỉ có một là học sinh người Hoa tại trường này. Học sinh Hoa – Việt học chung trường nhưng khác lớp. Học sinh người Hoa phải học thêm một môn mang tên ngôn ngữ và văn học Trung Quốc so với học sinh Việt. Việc hòa nhập không những nâng cao đối thoại giữa giáo viên và học sinh Hoa – Việt mà còn củng cố mối quan hệ cũng như tình hữu nghị giữa các bậc phụ huynh Hoa – Việt.<sup>134</sup>

Chính quyền Bắc Việt Nam bình luận rằng nền tảng pháp lý cho cải cách giáo dục được quy định trong một thỏa thuận năm 1958 giữa chính quyền Trung Quốc và Bắc Việt Nam, trong đó tuyên bố vấn đề giáo dục của người Hoa cần trở thành một bộ phận thống nhất thuộc hệ thống giáo dục quốc gia Việt Nam; cụ thể là, “trường học người Hoa cần tuân thủ các chính sách của Việt Nam và sử dụng sách giáo khoa tiếng Việt, như vậy học sinh có thể tiếp tục học tập nâng cao tại các

<sup>134</sup> Huang She 9 tháng 2 năm 1970; Fan Q. 1971; *Xin Yue Hua Bao* 24 tháng 7 năm 1973; 25 tháng 7 năm 1973a; 25 tháng 7 năm 1973b; 26 tháng 7 năm 1973; 28 tháng 7 năm 1973; 31 tháng 7 năm 1973b; 4 tháng 8 năm 1973; 7 tháng 8 năm 1973; 20 tháng 11 năm 1973; 15 tháng 8 năm 1974; 29 tháng 3 năm 1975; 26 tháng 6 năm 1975; Li B. 1990, trang 46.

trường Việt Nam hoặc đảm trách nhiều loại hình công việc sau khi tốt nghiệp”.<sup>135</sup> Thỏa thuận không được thực thi sớm hơn do chịu sự phản đối của một số cư dân người Hoa.<sup>136</sup> Các lãnh đạo Bắc Việt Nam tin rằng cải cách giáo dục là đúng đắn về mặt chính trị. Họ liên tục trích dẫn quan điểm phê phán của Lê-nin đối với hệ thống trường tư như một sự biện minh,<sup>137</sup> đồng thời hiển nhiên xem biện pháp đó là bước tiến quan trọng cho quá trình đồng hóa người Hoa. Wang Gungwu từng nhận định, tại hầu hết các quốc gia mới ở Đông Nam Á, giáo dục được sử dụng rộng rãi như một phương tiện xây dựng và khuôn đúc nên hình mẫu công dân, mặc dù đối với cộng đồng người Hoa, kết quả tại mỗi quốc gia là khác biệt phụ thuộc vào quy mô dân số, quan điểm của chính quyền địa phương đối với cư dân gốc Hoa cũng như các yếu tố tôn giáo và chủng tộc.<sup>138</sup> Chính quyền Bắc Việt Nam tuyên bố chắc chắn rằng mục tiêu của cải cách giáo dục là phá vỡ rào cản giữa cộng đồng người Hoa và xã hội người Việt đồng thời biến lớp trẻ người Hoa thành những công dân, thành đội ngũ cách mạng, đội ngũ chiến sĩ giỏi và lực lượng nòng cốt của Việt Nam.<sup>139</sup>

Chính quyền Bắc Việt Nam tin rằng giáo dục công dân không những quan trọng đối với học sinh gốc Hoa mà đối với cả người Hoa trưởng thành. Trong khi vấn đề cải cách hệ thống trường lớp người Hoa đảm bảo rằng học sinh gốc Hoa có được nền tảng giáo dục công dân phù hợp ngay tại trường, chính quyền lại dựa vào giáo dục đại chúng để đem những thông điệp chính trị đến bộ phận người Hoa trưởng thành. Ngoài “Chiến Dịch Ba Chia Sẻ và Hai Tốt” phát động vào những năm cuối 1960, chính quyền còn nhấn mạnh mối liên hệ bền chặt giữa hai nền văn hóa Trung – Việt. Những ai nhận mạnh sự khác biệt giữa hai nền văn hóa đều bị chỉ trích.<sup>140</sup> Đầu những năm 1970, một sự thay đổi tinh tế cũng xuất hiện trong hệ thống ngôn từ của *Tân Việt Hoa Báo*, cơ quan báo chí chính thức của Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam. Trung Quốc không còn được gọi là “quê hương xã hội chủ nghĩa vĩ đại” hay “quê hương vĩ đại” nữa mà đơn giản là “Trung Quốc” hay “Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa”. Việt Nam giờ đây đã trở thành “quê hương”. Thuật ngữ “Hoa kiều”, theo nghĩa đen là người lưu trú gốc Hoa, được thay thế lần đầu tiên bằng “Hoa nhân” (Hua Ren), tức là người Hoa vào khoảng năm 1973, và cuối cùng là “Hoa tộc” (Hua Zu) hay dân tộc Hoa vào năm 1976. Thuật ngữ “Zhong Yue” (Trung-Việt) được thay bằng “Yue-Zhong” (Việt-Trung). Những năm trước đó, nếu

<sup>135</sup> *Xin Yue Hua Bao* 24 tháng 7 năm 1973.

<sup>136</sup> *Xin Yue Hua Bao* 4 tháng 8 năm 1973; 20 tháng 11 năm 1973; 7 tháng 12 năm 1973.

<sup>137</sup> *Xin Yue Hua Bao* 24 tháng 7 năm 1973; 31 tháng 7 năm 1973b.

<sup>138</sup> Wang 1991, trang 146.

<sup>139</sup> *Xin Yue Hua Bao* 24 tháng 7 năm 1973; 28 tháng 7 năm 1973; 4 tháng 8 năm 1973; 7 tháng 8 năm 1973.

<sup>140</sup> Zhuang Y. 1970; *Xin Yue Hua Bao* 31 tháng 7 năm 1973a; 20 tháng 11 năm 1973.

báo chí có đồng thời nhắc đến hai nhân vật Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh, họ Mao luôn được đặt lên trước tiên; giờ đây trật tự đã đảo chiều.

### **Vị trí của Trung Quốc trong quan hệ ba bên**

Sự xuất hiện của Trung Quốc từng làm phức tạp hóa mối quan hệ giữa cộng đồng người Hoa và chính quyền Bắc Việt Nam. Các chính quyền khác ở Đông Nam Á có thể ít nhiều phớt lờ Trung Quốc khi đối phó với cộng đồng người Hoa bên trong lãnh thổ của họ. Họ có thể tạo lập và thi hành các chính sách liên quan đến cộng đồng người Hoa mà không cần phải thăm dò ý kiến của Trung Quốc. Miền Bắc Việt Nam không đủ khả năng cho điều kiện xa xỉ ấy. Bắc Việt Nam nhận thấy Trung Quốc là một đồng minh vững chãi, sự ủng hộ của Trung Quốc là thiết yếu đối với sự sống còn và phát triển của chính quyền Bắc Việt Nam, chủ yếu cũng bởi khoảng cách gần về mặt địa lý và chính trị với Trung Quốc. Theo một nghĩa nào đó, vì người Hoa ở miền Bắc Việt Nam được xem là đại diện của Trung Quốc, các lãnh đạo Bắc Việt Nam tin rằng vấn đề đối xử với cộng đồng người Hoa theo cách thức vun đắp cho tình hữu nghị và khối liên minh Trung-Việt là điều quan trọng. Theo nghĩa thông thường, tại miền Bắc Việt Nam, mối quan hệ giữa nhà nước và cộng đồng người Hoa được xem là một cấu thành mang tính lệ thuộc trong quan hệ song phương Trung-Việt.

Giống với đội ngũ lãnh đạo của các quốc gia Đông Nam Á khác, lãnh đạo Bắc Việt Nam quan tâm đến việc chuyển đổi địa vị cư dân gốc Hoa từ những người lưu trú nước ngoài thành công dân Việt Nam. Tuy nhiên, quan ngại về quan hệ Trung-Việt đã hạn chế những biện pháp mà họ áp dụng nhằm nuôi dưỡng tiến trình chuyển đổi ấy. Chính sách đồng hóa bắt buộc mà nhiều chính quyền Đông Nam Á áp dụng không được Trung Quốc chấp nhận, và vì thế cũng không hiệu quả ở miền Bắc Việt Nam. Như đã đề cập trước đây, sau khi thăm dò Trung Quốc, chính quyền Bắc Việt Nam quyết định khuyến khích người Hoa nhập tịch bằng các biện pháp giáo dục và thuyết phục. Những biện pháp này không mấy thành công, phần nhiều là do mâu thuẫn cơ bản trong chính sách chính thức đối với người Hoa – chính quyền Bắc Việt Nam muốn Hoa kiều trở thành công dân Việt Nam nhưng vẫn trao ưu đãi đặc biệt cho họ nếu họ muốn giữ quốc tịch Trung Quốc. Mâu thuẫn này tồn tại, nhìn chung là bởi các lãnh đạo Bắc Việt Nam tin rằng việc duy trì và củng cố liên minh Trung-Việt quan trọng hơn việc chuyển đổi cộng đồng người Hoa ngay vào thời điểm đó. Vì chính quyền Bắc Việt Nam gìn giữ quan hệ với Trung Quốc bằng sự thận trọng đặc biệt, Hoa kiều ở miền Bắc Việt Nam nhận được ưu đãi tốt nhất so với người Hoa trên khắp Đông Nam Á. Bởi thế, tiến trình đồng hóa họ bị trì hoãn.



Chính quyền Bắc Việt Nam tiến hành nhiều sửa đổi quan trọng về chính sách trong thời kỳ những năm cuối 1940 đến những năm cuối 1970 với mục đích giảm dần sự kiểm soát của Trung Quốc đối với người Hoa ở Việt Nam, tăng cường kiểm soát từ phía Việt Nam đối với cộng đồng người Hoa và xúc tiến thay đổi tư duy của họ về bản sắc dân tộc. Những năm cuối 1940, đội ngũ Cộng sản ở Việt Nam cho phép những người Cộng sản Trung Quốc kiểm soát hoàn toàn cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam.<sup>141</sup> Bắt đầu từ giữa những năm 1950, chính quyền Bắc Việt Nam chiếm quyền kiểm soát đối với cộng đồng người Hoa và khởi động các chính sách khuyến khích người Hoa đồng hóa, nhưng Trung Quốc vẫn duy trì một sức ảnh hưởng lớn. Cụ thể, Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam đã thuộc quyền kiểm soát của đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội. Cơ quan báo chí của Tổng hội, tờ *Tân Việt Hoa Báo*, đi vào hoạt động năm 1955 và do các chủ bút được Trung Quốc bổ nhiệm điều hành.<sup>142</sup> Những năm cuối 1960 và đầu 1970, phản ứng trước những xáo trộn do Cách mạng Văn hóa Trung Quốc gây ra, miền Bắc Việt Nam ra sức tăng cường quá trình đồng hóa bằng cách nhắc lại lời kêu gọi nhập tịch Việt Nam và quyết liệt cải cách hệ thống trường học của người Hoa. Bất chấp những thay đổi, chủ yếu là do nhân tố Trung Quốc, chính quyền Bắc Việt Nam chưa từng áp dụng chính sách đồng hóa bắt buộc trước thời điểm Việt Nam tái thống nhất vào năm 1975.

Theo đà đất nước tái thống nhất, những thay đổi cơ bản không diễn ra cho đến năm 1976, khi chính quyền Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam sơ khởi tiến hành cuộc vận động người Hoa nhập tịch. Lần này, lời kêu gọi không đi kèm phương thức giáo dục và thuyết phục thông thường mà bằng những biện pháp cứng rắn hơn nhiều. Những ai từ chối nhập tịch Việt Nam sẽ bị xóa khẩu phần lương thực, quyền ngư nghiệp và các chức vụ nhà nước.<sup>143</sup> Theo phân tích tổng kết, chính sách của miền Bắc Việt Nam đối với cộng đồng người Hoa không khác biệt về cơ bản so với các chính quyền Đông Nam Á khác. Khác biệt duy nhất là vì những nguyên do chính trị, miền Bắc Việt Nam phải đợi đến cuối những năm 1970 mới khởi động được quy trình mà các quốc gia Đông Nam Á khác bắt đầu vào những năm 1950 và 1960.

<sup>141</sup> Châu 2006, trang 110.

<sup>142</sup> Tờ báo do Wang Yafu sáng lập, một nhà Cộng sản cấp cao đến từ Quảng Đông, có mặt tại Việt Nam từ năm 1954 đến 1956 (Chaosan fengqing wang 2005). Người kế nghiệp Wang là Cheng Tianshui, sau này đã quay về Trung Quốc và làm việc tại trường Cao Đẳng Ngoại Ngữ Bắc Kinh (Lin 2005). Tang Shubei, một nhà báo Trung Quốc đến từ Thượng Hải, làm chủ biên của tờ báo từ năm 1955 đến 1957. Người này về sau trở thành nhà ngoại giao và là viên chức cấp cao đảm nhiệm các vấn đề về Đài Loan và Macao thời kỳ những năm 1980 và 1990 (tham khảo Tân Hoa Xã). Tờ báo do chính quyền Việt Nam tiếp quản vào năm 1958 (Waijiaobu lingshisi 1978).

<sup>143</sup> Chang C. Y. 1980, trang 294; Porter 1980, trang 56.

Có nhiều nhân tố ẩn sau công cuộc chuyển đổi chính sách mang tính triệt để diễn ra vào năm 1976. Việt Nam tái thống nhất năm 1975 đã làm giảm phần nhiều tầm quan trọng của Trung Quốc đối với Việt Nam; Cách mạng Văn hóa Trung Quốc và việc nối lại tình hữu nghị giữa Trung Quốc với Hoa Kỳ đã phá hỏng các mối quan hệ song phương; sự ra đi của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Mao Trạch Đông cắt đứt mối dây khăng khít từng tồn tại giữa các lãnh đạo cách mạng thế hệ đầu. Đội ngũ kế nghiệp Chủ tịch Mao đóng góp ít ỏi vào việc phát triển quan hệ song phương, thể hiện qua động thái khước từ cung cấp viện trợ thực tế cho Việt Nam; các lãnh đạo Việt Nam chuyển sang ủng hộ Liên Xô thời kỳ xung đột Xô – Trung;<sup>144</sup> khi xảy ra mâu thuẫn giữa Việt Nam và Campuchia, lãnh đạo Trung Quốc đứng về phe Khmer Đỏ. Rốt cuộc, tái thống nhất Việt Nam đồng nghĩa với việc lãnh đạo Việt Nam giờ đây phải đối phó với một cộng đồng người Hoa lớn mạnh hơn rất nhiều, khiến cho vấn đề đồng hóa bộ phận này trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.<sup>145</sup> Những năm 1950, chính quyền Bắc Việt Nam đã hứa hẹn rằng sau khi đất nước tái thống nhất, Hoa kiều ở miền Nam Việt Nam sẽ được tự do lựa chọn quốc tịch, nhưng thời kỳ cuối những năm 1970, đội ngũ lãnh đạo Việt Nam dường như không còn quan tâm đến việc giữ lời hứa. Đầu năm 1976, chính quyền Việt Nam xác nhận rằng đại bộ phận người Hoa ở miền Nam Việt Nam đã trở thành công dân Việt Nam.<sup>146</sup> Trung Quốc phản ứng bằng cách đòi hỏi quyền tự do lựa chọn quốc tịch và cấp hộ chiếu Trung Quốc cho hàng ngàn người Hoa ở miền Nam Việt Nam.<sup>147</sup>

Chính sách đồng hóa mới của nước Việt Nam thống nhất được áp dụng vào thời điểm mối quan hệ với Trung Quốc đang xấu đi nhanh chóng. Tình hình thù địch giữa hai quốc gia khiến các lãnh đạo Việt Nam đặt mỗi hoài nghi lên toàn bộ cư dân Hoa kiều ở Việt Nam. Họ lo lắng về vị thế mà cư dân Hoa kiều nắm giữ trong cuộc xung đột Việt – Trung. Những quan ngại ấy có thể đã thúc đẩy Việt Nam tìm đến một giải pháp nhanh chóng và cứng rắn cho vấn đề người Hoa.<sup>148</sup> Chính

<sup>144</sup> Một cựu quan chức Trung Quốc nhớ lại, ngay từ năm 1967, miền Bắc Việt Nam bắt đầu “đi theo đường lối của Liên Xô và ngược đãi người Hoa ở Việt Nam”, vài người Hoa phải dời về Trung Quốc (Zhang L. 2006). Cũng có báo cáo cho biết, năm 1967, các quan chức Liên Xô cảnh báo đội ngũ lãnh đạo Việt Nam rằng Hoa kiều là mối đe dọa tiềm tàng đối với Việt Nam và đề xuất xua đuổi họ (Ly 1978, trang 84). Giữa năm 1978, các lãnh đạo Trung Quốc như Liao Chengzhi và Deng Xiaoping bắt đầu công khai cáo buộc Liên Xô can dự vào hành động ngược đãi người Hoa ở Việt Nam, nhưng Việt Nam phủ nhận cáo buộc này (*Cankao Xiaoxi* 4 tháng 6 năm 1978a; 4 tháng 6 năm 1978b; 7 tháng 6 năm 1978).

<sup>145</sup> Thống kê chính thức từ Việt Nam và quan điểm về mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc, tham khảo Bộ Ngoại Giao, Việt Nam 1979.

<sup>146</sup> *Xin Yue Hua Bao* 3 tháng 2 năm 1976.

<sup>147</sup> *Cankao Xiaoxi* 17 tháng 5 năm 1978.

<sup>148</sup> Trong các tài liệu chính thức phát hành vào những năm cuối 1970, chính quyền Việt Nam thường xuyên đề cập đến người Hoa ở Đông Nam Á như Đạo Quân Thứ Năm của Trung Quốc đồng thời cáo buộc Trung Quốc dùng cư dân Hoa kiều như một công cụ kích động bất ổn ở Việt Nam. Bộ Ngoại Giao, Việt Nam 1979, trang 9, 57, 59, 60, 67.

quyền Trung Quốc xem việc thay đổi chính sách như một hành động vô lý chống lại người đồng minh trước đây. Trung Quốc phản ứng bằng cách cáo buộc Việt Nam ngược đãi Hoa kiều và mô tả Trung Quốc như người bảo hộ của họ. Trong tuyệt vọng, nhiều người Hoa hiển nhiên dành sự đồng cảm cho Trung Quốc và nhờ đến trợ giúp của Trung Quốc.

Ở miền Bắc Việt Nam, cuộc di cư của người Hoa diễn ra khi Việt Nam bắt đầu phân định khu vực biên giới vào đầu năm 1977. Như đã đề cập trước đây, mặc dù hai chính quyền xem người Hoa ở khu vực biên giới là công dân Việt Nam, bộ phận này vẫn duy trì quan hệ khăng khít với Trung Quốc. Vì vậy, chính quyền Việt Nam cảm thấy có lý do chính đáng để nghi ngờ lòng trung thành của họ. Người Hoa và các tộc người thiểu số khác sống ở khu vực biên giới buộc phải di cư sang Trung Quốc hoặc đến những vùng kinh tế mới.<sup>149</sup> Báo cáo cho hay, tại một vài khu vực, chính quyền khoan dung đối với rất ít người Hoa dù họ có là anh hùng thời kỳ Kháng chiến đi nữa.<sup>150</sup> Người Hoa muốn quay trở về Trung Quốc hơn là đến những vùng kinh tế mới. Phản ứng này đơn thuần xác nhận mối hoài nghi của chính quyền Việt Nam về lòng trung thành của họ. Chính quyền Việt Nam sau đó ra tuyên bố “nếu bất cứ ai muốn trở lại Trung Quốc, chỉ cần yêu cầu công khai”.<sup>151</sup>

Nhằm tạo sự minh bạch pháp lý cho chính sách mới đối với người Hoa, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã ký một sắc lệnh gồm mười lăm điều khoản vào tháng 4 năm 1977, định rõ phương thức đối xử với cư dân nước ngoài hay người Hoa chưa nhập tịch ở Việt Nam. Sắc lệnh quy định rằng chính phủ Việt Nam có quyền quyết định nơi cư trú của cư dân nước ngoài và phê duyệt tình trạng di dời của họ. Ngoài việc bắt buộc cư dân nước ngoài định kỳ đăng ký với chính quyền, sắc lệnh còn quy định việc cư dân nước ngoài sở hữu bất động sản cũng như tham gia vào các ngành ngư nghiệp, lâm nghiệp, sửa chữa vô tuyến, lái xe và in ấn là bất hợp pháp. Sau cùng, sắc lệnh bác bỏ quyền bầu cử và ứng cử đối với cư dân nước ngoài.<sup>152</sup> Rõ ràng, sắc lệnh được ban hành không chỉ nhằm tước đoạt các đặc quyền mà người Hoa từng được hưởng mà còn áp đặt những hạn chế mới. Cư dân người Hoa đối diện với ba lựa chọn: nhập quốc tịch Việt Nam và tránh được những giới hạn; giữ quốc tịch Trung Quốc và sống với những giới hạn; hoặc chuyển đến Trung Quốc và thoát khỏi những giới hạn.

Thời kỳ khủng hoảng, có tin đồn trong cộng đồng người Hoa ở miền Bắc Việt Nam cho rằng giữa Trung Quốc và Việt Nam tồn tại một cuộc chiến và nếu không lập tức trở lại Trung Quốc, người Hoa ở Việt Nam sẽ bị quân đội Trung Quốc trừng

<sup>149</sup> Hood 1992, trang 141.

<sup>150</sup> Chen K. 1987, trang 65.

<sup>151</sup> Chen K. 1987, trang 64.

<sup>152</sup> Thủ Tướng Việt Nam 1978.

phạt như những kẻ phản bội. Cũng có thông tin cho rằng Trung Quốc kêu gọi Hoa kiều quay về trợ giúp chương trình hiện đại hóa và những người Hoa trở về từ Việt Nam có thể kiếm được việc làm tử tế tại Trung Quốc.<sup>153</sup> Đáng buồn thay, một số cư dân người Hoa bị dọa rằng nếu họ chọn ở lại Việt Nam, chắc chắn một trong bốn thế lực quân sự Việt Nam, Liên Xô, Campuchia hoặc Trung Quốc sẽ giết hại họ.<sup>154</sup> Các tin đồn không rõ bắt nguồn từ đâu. Chính quyền Việt Nam cáo buộc đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội và một số “phần tử xấu” trong cộng đồng Hoa kiều đã loan tin với ý định gây trở ngại cho Việt Nam.<sup>155</sup> Trung Quốc phản ứng bằng cách tuyên bố chính quyền Việt Nam đã phát tán tin đồn nhằm tống khứ người Hoa. Không có bằng chứng nào khẳng định được cáo buộc. Có thể Trung Quốc muốn gây khó khăn cho Việt Nam; việc Trung Quốc ban hành chính sách mới đối với Hoa kiều nhằm mục đích thu hút tài năng và đầu tư từ họ là có thật, nhưng cũng tồn tại những lý do khiến Trung Quốc không thu nhận người tị nạn từ Việt Nam. Nhiều người tị nạn không sở hữu bất kỳ đồng vốn hay kỹ năng chuyên môn nào và ký ức về những khó khăn gây nên bởi dân tị nạn gốc Hoa từ Indonesia và Malaysia vài thập kỷ trước vẫn còn hằn in trong tâm khảm. Quyết định đóng cửa biên giới Việt – Trung của Trung Quốc nhằm chặn đứng dòng người tị nạn cho thấy đội ngũ lãnh đạo Trung Quốc xem người tị nạn là gánh nặng hơn là một tài sản tiềm năng.

Chính quyền Việt Nam rất quan tâm đến tình hình Hoa kiều rời khỏi khu vực biên giới nhạy cảm nhưng đồng thời không muốn mất đi những công nhân và kỹ sư có tay nghề, bộ phận đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế.<sup>156</sup> Tư tưởng xáo trộn của chính quyền Việt Nam được thể hiện trong những chính sách mâu thuẫn đối với cư dân người Hoa. Một mặt, chính quyền Việt Nam cung cấp thuyền và phương tiện để đưa người Hoa đến khu vực biên giới.<sup>157</sup> Một số trường hợp người Hoa bị buộc trở về Trung Quốc. Mặt khác, chính quyền áp dụng các biện pháp nhằm ngăn chặn tình trạng di cư. Vài người tị nạn gốc Hoa sau này được phỏng vấn cho hay, chính quyền Việt Nam đã cố động viên họ không rời khỏi Việt Nam.<sup>158</sup> Một phóng viên người Pháp xác nhận rằng sau cuộc di dời của 5.000 người Hoa ở khu vực Hải Phòng và Hòn Gai, chính quyền thiết lập những hạn chế đối với việc di

<sup>153</sup> Porter 1980, trang 56.

<sup>154</sup> Nguyễn Y. 1978, trang 29; Nguyễn V. 1978, trang 40.

<sup>155</sup> Nguyễn Y. 1978, trang 28-37; Sở Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa, 1978, trang 17.

<sup>156</sup> Hood 1992, trang 145. Một phóng viên Nhật bình luận rằng chính quyền Việt Nam sẽ lấy làm vui mừng khi tống khứ được người Hoa ở Chợ Lớn bởi họ từ chối chuyển đến vùng nông thôn mặc dù không thể tìm được việc làm. Tuy nhiên, một cuộc di cư hàng loạt của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam, phần đông trong số đó là những công nhân lành nghề làm việc tại cảng, nhà máy và hầm mỏ, sẽ gây ra trở ngại nghiêm trọng cho Việt Nam. *Cankao Xiaoxi* 7 tháng 5 năm 1978.

<sup>157</sup> Nguyễn V. 1978, trang 41.

<sup>158</sup> Porter 1980, trang 56.

dời của người Hoa bởi “họ được xem là những người có tay nghề”.<sup>159</sup> Mỗi lo ngại này được một phóng viên người Nhật và cả chính quyền Việt Nam khẳng định.<sup>160</sup> Trước năm 1977, ước tính người Hoa chiếm 15% - 17% thợ mỏ ở Việt Nam, rất nhiều trong số đó có tay nghề cao. Hầu hết công nhân trong các nhà máy gốm sứ tại Quảng Ninh cũng như ngư dân trên đảo Cát Bà, Cô Tô và Bạch Long Vĩ là cư dân gốc Hoa. Trong các lĩnh vực tương ứng, sản lượng của họ chiếm tới 50% tổng sản lượng quốc gia.<sup>161</sup>

Một bộ phận cư dân gốc Hoa có khả năng là những phần tử truyền bá tin đồn. Cuối những năm 1970, một nhóm cấp tiến người Hoa ở miền Bắc Việt Nam phản đối chính sách đồng hóa của chính quyền Việt Nam. Tầm quan trọng của nhóm người này thể hiện qua những chỉ trích mà nó nhận được từ Tổng hội Liên hiệp Hoa kiều Việt Nam do chính quyền Bắc Việt Nam kiểm soát.<sup>162</sup> Thành viên có thể là những phần tử từng chịu ngược đãi do tích cực tham gia vào Cách mạng Văn hóa. Nếu nghiên cứu quan điểm của họ, có khả năng chúng ta sẽ khẳng định họ không có cơ hội bộc lộ nỗi oán giận đối với chủ trương đồng hóa chừng nào Trung Quốc còn tiếp tục mối quan hệ tốt đẹp với Việt Nam. Nhưng khi quan hệ Việt – Trung bắt đầu xấu đi, cơ hội của họ đã xuất hiện. Chính quyền Việt Nam từng quả quyết rằng cuộc di cư của người Hoa ở Việt Nam sang Trung Quốc khởi xướng “bởi những phần tử người Hoa nhất định, những kẻ đã gieo rắc tin đồn với mục đích khuấy động mối bất hòa giữa hai nước Việt – Trung”.<sup>163</sup> Một động cơ khác khiến bộ phận người Hoa này phát tán tin đồn là lợi nhuận, nghĩa là họ có thể kiếm tiền bằng việc tổ chức di cư cho người Hoa ra khỏi Việt Nam.<sup>164</sup> Nhưng một khả năng khác nữa đó là tin đồn được tạo dựng và duy trì do nỗi sợ hãi kèm theo bất an hơn là ý định bất chính. Tin đồn phản ánh khả năng tự nhìn nhận của các thành viên trong cộng đồng người Hoa cũng như vị thế khó khăn và nguy hiểm của những quân tốt khi đứng giữa hai chính quyền đầy uy lực.

Bất kể do ai truyền bá, thực tế rất nhiều người Hoa tin vào những tin đồn ấy cho thấy Trung Quốc luôn được khắc ghi trong trái tim và tâm khảm họ, rằng đa số họ xem việc quay về Trung Quốc là lựa chọn đúng đắn hơn so với việc chuyển đến một nơi nào khác ở Việt Nam. Đối với các lãnh đạo Việt Nam, quan điểm này cho thấy các cư dân gốc Hoa đã không vượt qua được thử thách về lòng trung thành. Thời kỳ giữa những năm 1950, hai chính phủ từng thỏa thuận để người Hoa đi theo con đường đồng hóa tự nhiên, nhưng cuối cùng họ không có đủ thời gian để thực

<sup>159</sup> *Cankao Xiaoxi* 14 tháng 5 năm 1978.

<sup>160</sup> *Cankao Xiaoxi* 12 tháng 6 năm 1978; Bộ Ngoại Giao, Việt Nam 1979, trang 61.

<sup>161</sup> Châu 1992, trang 125.

<sup>162</sup> Zhuang Y. 4 tháng 2 năm 1970; *Xin Yue Hua Bao* 4 tháng 8 năm 1973; 7 tháng 12 năm 1973.

<sup>163</sup> Ray 1983, trang 80.

<sup>164</sup> Nguyễn Y. 1978, trang 34-37.

hiện lựa chọn đó. Đối với nhiều người Hoa ở miền Bắc Việt Nam, họ phải trải qua một hành trình khổ đau đến Trung Quốc để khám phá sự thật họ mang bản sắc Trung Hoa hay Việt Nam.

## **Chính sách đồng hóa của Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á nói chung**

Các cộng đồng người Hoa ở Đông Nam Á phát triển rộng khắp thời kỳ thuộc địa, điển hình là vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20.<sup>165</sup> Người Hoa tại khu vực này đóng vai trò cầu nối quan trọng trong hệ thống thuộc địa toàn cầu trước Chiến tranh thế giới lần thứ hai và họ đã tạo lập một vị trí tương đối ổn định cho bản thân trong hệ thống ấy. Về mặt kinh tế, họ là bộ phận đồng nhất và hữu ích của hệ thống thuộc địa, làm trung gian cho Trung Quốc và Đông Nam Á cũng như người Đông Nam Á và những nhà thực dân. Về mặt chính trị, họ được phép giữ lại bản sắc pha tạp, nhập nhằng và đối lập cũng như lòng trung thành của mình. Một số người xem bản thân là những công dân trung thành của Trung Quốc; số khác bị đồng hóa theo xã hội bản địa; một số lựa chọn gắn bó với tư cách thực dân; số khác lại thay đổi hẳn bản sắc hoặc hòa nhập với các bản sắc khác nhau. Kết quả của Chiến tranh thế giới lần thứ hai đánh dấu khởi đầu cho sự diệt vong của hệ thống thực dân toàn cầu và ở Đông Nam Á là sự trỗi dậy của hệ thống quốc gia dân tộc mới. Những diễn biến này dẫn đến thay đổi mạnh mẽ về kinh tế và chính trị đối với cộng đồng người Hoa. Đội ngũ lãnh đạo của các quốc gia dân tộc mới giành độc lập ở khu vực xem người Hoa sống trong lãnh thổ của họ là kiều thực dân thứ hai cần phải loại trừ bằng phương thức đồng hóa hoặc trục xuất. Các quốc gia dân tộc đòi hỏi lòng trung thành tuyệt đối, không mập mờ từ phía công dân của họ. Họ không khoan dung trước những ai không phải công dân hoặc lòng trung thành nước đôi. Dưới biển thể này của chủ nghĩa dân tộc, việc hạn chế các quyền dành cho người nước ngoài, buộc họ chấp nhận quốc tịch bản xứ, phủ nhận tư cách công dân của người nước ngoài hay thậm chí trục xuất họ đã trở thành những chính sách hợp pháp. So với những gì xảy ra cho cộng đồng người Hoa ở một vài nhà nước Đông Nam Á khác như Malaysia, Indonesia và Myanmar, nơi họ hình thành nên những nhóm quyền lực nhưng vẫn mang tính thiểu số "ngoại bang", những gì mà chính quyền Việt Nam sau tái thống nhất áp dụng đối với người Hoa những năm cuối 1970 là không quá mức bất thường.

<sup>165</sup> Ước tính có khoảng 3 triệu người Hoa sống ngoài lãnh thổ Trung Quốc vào năm 1879. Số Hoa kiều tăng lên 4 triệu vào năm 1899; trên 7 triệu vào năm 1903; và trên 10 triệu vào năm 1929. Hầu hết Hoa kiều sống ở Đông Nam Á. Li C. 1937, trang 10.

Ở miền Bắc Việt Nam, tiến trình thanh lọc quốc gia dân tộc bị trì hoãn bởi sự kết thúc của hệ thống thực dân toàn cầu dẫn đến nảy sinh chế độ Cộng sản toàn cầu mới, một chế độ vốn đặt trọng tâm vào sự hòa hợp của các quốc gia xã hội chủ nghĩa anh em. Chiến tranh Việt Nam và nhu cầu của Bắc Việt Nam đối với viện trợ từ Trung Quốc cũng góp phần vào sự trì hoãn. Mặc dù bị trì hoãn, tiến trình vẫn không thể tránh khỏi. Với tư cách một quốc gia dân tộc sau thuộc địa, sẽ là "sai lầm" nếu Việt Nam cho phép một cộng đồng "ngoại bang" có quy mô lớn tồn tại bên trong lãnh thổ của mình. Đó là lý do tại sao Bắc Việt Nam và Trung Quốc quyết định khuyến khích người Hoa nhập tịch vào năm 1955. Tuy nhiên, trải qua hơn hai thập kỷ, người Hoa vẫn được phép duy trì lòng trung thành và bản sắc kếp hay thiếu rạch ròi, bởi theo cách nói hoa mỹ của chủ nghĩa quốc tế và tình hữu nghị xã hội chủ nghĩa thì không tồn tại khác biệt thực tế giữa lòng trung thành dành cho Trung Quốc và lòng trung thành đối với Việt Nam. Cư dân người Hoa được giáo dục rằng yêu Việt Nam chính là yêu Trung Quốc, cống hiến và bảo vệ Việt Nam chính là cống hiến và bảo vệ Trung Quốc. Năm 1961, một người Hoa ở Việt Nam có viết: "Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã khiến Trung Quốc và Việt Nam hoàn toàn bình đẳng và gần gũi như những người anh em. Sống ở Việt Nam cũng giống như sống ở Trung Quốc... trong tâm khảm của những người đồng hương Trung Quốc, sông Hồng và sông Cửu Long nối liền với sông Dương Tử và Hoàng Hà".<sup>166</sup> Người Hoa không nhất thiết phải lựa chọn giữa Việt Nam và Trung Quốc cho đến cuối những năm 1970, khi hai đất nước bỗng chốc biến thành kẻ thù. Sự sụp đổ của chế độ Cộng sản quốc tế đã thúc đẩy chính quyền Việt Nam hoàn tất tiến trình thanh lọc quốc gia.

Trung Quốc từng trải qua tiến trình thanh lọc quốc gia tương tự thời kỳ sau năm 1949. Dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Mao, cộng đồng ngoại quốc bị trục xuất và các doanh nghiệp nước ngoài bị quốc hữu hóa. Trong cuộc Cách mạng Văn hóa, nhiều công dân có liên hệ với nước ngoài bị ngược đãi và nhiều người Hoa trở về từ nước ngoài trở thành nạn nhân của tình trạng phân biệt đối xử. Quan điểm chung về cách ứng phó với cộng đồng ngoại quốc tại một quốc gia dân tộc khiến Trung Quốc và các chính phủ Đông Nam Á dễ dàng đạt được thỏa thuận về vấn đề lưỡng quyền công dân thời kỳ những năm 1950. Các chính phủ ở Đông Nam Á hoan nghênh rộng rãi việc Trung Quốc từ bỏ lưỡng quyền công dân, bởi sự trung thành mang tính nước đôi và hòa trộn được xem là không phù hợp với các quốc gia dân tộc chủ nghĩa mới trỗi dậy. Trung Quốc khuyến khích người Hoa tại các nước Đông Nam Á chấp nhận quốc tịch bản địa nhưng đồng thời yêu cầu các chính quyền bản địa không ép buộc người Hoa từ bỏ quốc tịch Trung Quốc. Trung Quốc cũng yêu

<sup>166</sup> *Xin Yue Hua Bao*, 2 tháng 9 năm 1961.

cầu những người Hoa lựa chọn giữ lại quốc tịch Trung Quốc tôn trọng luật pháp cũng như tập quán bản địa và lánh xa khỏi hoạt động chính trị.<sup>167</sup> Tình trạng ngược đãi người Hoa do nhiều chính quyền trong khu vực tiến hành đã đặt các lãnh đạo Trung Quốc vào thế tiến thoái lưỡng nan: trong khi đội ngũ lãnh đạo Trung Hoa mới cảm thấy mình có trách nhiệm bảo vệ cho công dân Trung Quốc ở hải ngoại, họ cũng nhận thấy những điều mà các chính quyền Đông Nam Á áp dụng đối với người Hoa không khác là bao so với những gì chính quyền Trung Quốc thực hiện đối với người nước ngoài ở Trung Quốc. Nếu không tin vào những tiêu chuẩn kép, họ sẽ phải chấp nhận những biện pháp đồng hóa và phân biệt đối xử mà các quốc gia Đông Nam Á tiến hành. Những năm Chủ tịch Mao cầm quyền, phần nhiều do thế tiến thoái lưỡng nan này mà phản ứng của Trung Quốc trước tình trạng ngược đãi người Hoa chỉ là những động thái khá ôn hòa, dẫn đến việc chỉ trích các chính quyền bản địa vi phạm thỏa thuận song phương, tiếp nhận bộ phận người Hoa bị trục xuất hoặc mong muốn quay về Trung Quốc và cung cấp nguồn hỗ trợ hạn chế về tài chính. Niềm tin chung về một quốc gia dân tộc “được thanh lọc” đã khiến cho nhiều chính sách hà khắc mà các chính phủ Đông Nam Á áp dụng đối với cộng đồng người Hoa trở nên dễ cảm thông và thậm chí có thể chấp nhận.

Khi Ngô Đình Diệm thông qua chính sách đồng hóa bắt buộc đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam thời kỳ những năm 1950, Trung Quốc lên án chính sách, hiến tặng 10.000 đô la để hỗ trợ người Hoa gặp khó khăn mà không làm gì khác hơn. Trung Quốc áp dụng các biện pháp tương tự vào những năm 1960 để đối phó khủng hoảng liên quan đến người Hoa ở Malaysia, Indonesia và Myanmar. Đội ngũ lãnh đạo Việt Nam sau thống nhất có những lý do để mong đợi phản ứng tương tự từ Trung Quốc khi họ bắt đầu buộc người Hoa nhập tịch vào cuối những năm 1970. Tuy nhiên, phản ứng của Trung Quốc thời gian này gay gắt hơn. Ban đầu, Trung Quốc tiến hành một chiến dịch tuyên truyền sâu rộng chống lại Việt Nam và kết cục, vấn đề ngược đãi người Hoa trở thành một trong những lý do công khai để Trung Quốc khởi động cuộc chiến ngăn ngui với Việt Nam. Một lý do khác dẫn đến phản ứng bùng phát của Trung Quốc vào cuối những năm 1970 có thể là chương trình cải cách do Đặng Tiểu Bình khởi xướng. Đặng Tiểu Bình xóa bỏ chính sách thanh lọc quốc gia của Chủ tịch Mao và đem Trung Quốc trở lại hệ thống toàn cầu bằng cách mời gọi người nước ngoài đến Trung Quốc. Vì thế khi Việt Nam bận rộn “thanh lọc” quốc gia dân tộc, Trung Quốc lại mang những yếu tố bị loại trừ trước

<sup>167</sup> Tuy nhiên, ở Việt Nam, người Hoa được khuyến khích tham gia vào các phong trào chính trị trước khi họ trở thành công dân Việt Nam chính thức. Điển hình, vào năm 1965, một quan chức cấp cao người Hoa đã kêu gọi Hoa kiều tham gia vào các cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc. Tham khảo *Xin Yue Hua Bao* 15 tháng 9 năm 1965.



đây trở về với khuôn phép. Vì thế, thật dễ hiểu khi Đặng Tiểu Bình xem các chính sách của Việt Nam đối với người Hoa là phản động và không thể chấp nhận.

Còn những lý do khác khiến Trung Quốc phản ứng kiên quyết trước Việt Nam thời kỳ cuối những năm 1970. Quy mô khủng hoảng là chưa từng có trong tiền lệ, tính bằng số lượng người tị nạn do khủng hoảng tạo ra. Các lãnh đạo Trung Quốc cũng cảm thấy chính quyền Việt Nam vô ơn trước sự ủng hộ của Trung Quốc thời kỳ chiến tranh Việt Nam và sự đóng góp của cộng đồng người Hoa vào thành quả kháng chiến. Hơn nữa, khủng hoảng đối với người Hoa diễn ra vào thời điểm hai chính quyền đang có mâu thuẫn về các vấn đề khác như tranh chấp lãnh thổ, Trung Quốc ủng hộ Campuchia và quan hệ thân tình của Việt Nam với Liên Xô. Mâu thuẫn này khiến mâu thuẫn kia thêm trầm trọng. Nói cách khác, nếu gộp chung mâu thuẫn giữa hai chính quyền và mâu thuẫn giữa nhà nước Việt Nam với cộng đồng người Hoa sẽ tạo nên tình trạng thù địch gia tăng. Nhân tố quốc tế này giúp giải thích lý do tại sao chính quyền Trung Quốc không phản ứng gay gắt trước sự ngược đãi mà Khmer Đỏ dành cho người Hoa vào cùng thời kỳ. Trên thực tế, chính quyền Trung Quốc can thiệp rất ít nhằm ngăn chặn tình trạng ngược đãi người Hoa ở Campuchia và phương tiện truyền thông của chính phủ Trung Quốc hoàn toàn im lặng trước bi kịch ấy. Vì vậy, chính quyền Việt Nam đã nêu một điểm thuyết phục khi cáo buộc Trung Quốc áp dụng các tiêu chuẩn kép đối với Việt Nam và Campuchia.<sup>168</sup> Các lãnh đạo Việt Nam lập luận rằng trên thực tế, hai chính phủ có thể giải quyết dễ dàng vấn đề cư dân người Hoa đồng thời cáo buộc chính quyền Trung Quốc từ chối đàm phán nhằm lạm dụng vấn đề như một cái cớ chỉ trích trong chiến dịch chống đối Việt Nam.<sup>169</sup>

Nếu liên minh Việt – Trung không sụp đổ thời kỳ cuối những năm 1970, chính quyền Việt Nam có khả năng đạt được mục tiêu xã hội hóa và nhập tịch cho người Hoa ở Việt Nam nhờ sự giúp sức của chính phủ Trung Quốc mà không gặp phải trở ngại bất thường. Sự tan vỡ của khối liên minh giữa hai chính quyền buộc người Hoa phải đón nhận thử thách về lòng trung thành vào một thời điểm khó khăn. Những thập kỷ trước, hai chính quyền đã nỗ lực thuyết phục người Hoa rằng gắn bó với Việt Nam chính là gắn bó với Trung Quốc; và bỗng nhiên, chính quyền Việt Nam muốn người Hoa quên đi đất nước Trung Quốc để hết lòng trung thành đối với Việt Nam. Nhiều người Hoa coi sự thay đổi này là quá đột ngột, không thể nào chấp nhận. Kết quả là, việc họ từ chối nhập tịch Việt Nam đã làm cho các lãnh đạo Việt Nam nhận thức rằng người Hoa muốn giữ vai trò những vị khách hưởng đặc ân, một sự lựa chọn khiến họ không được hoan nghênh tại Việt Nam. Tuy

<sup>168</sup> Bộ Văn Hóa và Thông Tin Việt Nam 1978, trang 5.

<sup>169</sup> Bộ Ngoại Giao, Việt Nam 1978.

nhân, trên thực tế, vào một thời điểm xác định, trong khi một số người Hoa lựa chọn cuộc sống của những vị khách an nhàn, cũng có người Hoa tự nguyện từ bỏ đặc quyền và hành xử như những người Việt Nam yêu nước tận tụy. Suốt những năm tháng khắc nghiệt của chiến tranh, địa vị nhập nhằng của các cư dân gốc Hoa không ngăn cản họ tình nguyện gia nhập quân đội và thực hiện những nhiệm vụ khác. Họ sẵn sàng cống hiến sức mình bởi họ tin rằng họ đang đấu tranh chống lại kẻ thù chung của cả hai dân tộc Việt – Trung. Khi buộc phải lựa chọn giữa thay mặt Việt Nam chiến đấu chống lại Trung Quốc hoặc thay mặt Trung Quốc đánh trả Việt Nam, họ trở nên bế tắc và miễn cưỡng, đồng thời trở thành nạn nhân của chính sự bối rối của mình.

## Tài liệu tham khảo

Armer 1991

Armer Ramses. *The Ethnic Chinese in Vietnam and Sino-Vietnamese Relations*. Kuala Lumpur: Forum, 1991.

Barlow 1979

Barlow, Jeffrey G. *Sun Yat-sen and the French, 1900-1908*. Tài Liệu Chuyên Khảo Nghiên Cứu Trung Quốc, Số 14. Berkeley, CA: Trung tâm nghiên cứu Trung Hoa, Đại học California tại Berkeley, 1979.

*Beijing Review* 1978

2 tháng 6 năm 1978. "Statement on Vietnam's Expulsion of Chinese Residents", trang 14-16. 16 tháng 6 năm 1978. "Statement of Chinese Foreign Ministry on Expulsion of Chinese Residents by Vietnam", trang 13-16.

Benoit 1981

Benoit, Charles. "Vietnam's 'Boat People'". Trong David W. P. Eliot, ed., *The Third Indochina Conflict*. Boulder: Westview Press, 1981.

Cankao Xiaoxi [Tham khảo thường nhật] (Bắc Kinh) 1978

7 tháng 5 năm 1978 "Waiguo shangren toulu, yuenan dui huaqiaoqu jinxing soucha" [Tờ Doanh Nhân Nước Ngoài cho hay Việt Nam đã lục soát khu vực của người Trung Quốc].

13 tháng 5 năm 1978, "Waidian baodao yuenan qitu qiangpo huaqiao gaibian guoji" [Các hãng thông tấn nước ngoài đưa tin về những nỗ lực của Việt Nam buộc người Hoa thay đổi quốc tịch].

14 tháng 5 năm 1978, "Dapi huaqiao dao wo zhuyue shiguan banli lijing qianzheng" [Đông đảo cư dân người Hoa đã đến Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam để nộp đơn xin thị thực xuất cảnh].

17 tháng 5 năm 1978, "Yuenan huaqiao weihe fenfen lijing?" [Tại sao cư dân người Hoa rời bỏ Việt Nam?].

1 tháng 6 năm 1978, "Zhongguo zhize yuenan wang'en fuyi" [Trung Quốc cáo buộc Việt Nam vô ơn].

4 tháng 6 năm 1978a, "Liaoxiansheng shuo dui yuenan de judong biaoshi yihan" [Ngài Liao lấy làm tiếc về hành động của Việt Nam].

4 tháng 6 năm 1978b, "Ruan Zhongyong dilai Yue paihua bing yaowo tingzhi jielu" [Nguyễn Trọng Vĩnh phủ nhận Việt Nam ngược đãi người Hoa và yêu cầu Trung Quốc ngừng phơi bày những hành động sai trái của họ].

7 tháng 6 năm 1978, "Dengfuzongli huijian riben pengyou de tan hua" [Cuộc nói chuyện của thứ trưởng Deng với các bằng hữu Nhật Bản].

12 tháng 6 năm 1978, "Yuenan zuole cuowu guji? Dongmeng lengyan xiangkan" [Việt Nam đã tính toán sai lầm? ASEAN đang nhìn nhận vấn đề bằng con mắt phê bình].

18 tháng 6 năm 1978, "Zhongguo dangju yinggai zai muqian cuowu daolushang jizao zhibu" [Đã đến lúc nhà cầm quyền Trung Quốc ngừng đi theo con đường lầm lạc].

Chang C. Y. 1980

Chang C. Y. "Overseas Chinese in China's Policy". *The China Quarterly* 82 (1980), trang 281-303.

Chang P. M. 1982

Chang Pao-min. "The Sino-Vietnamese Dispute over the Ethnic Chinese". *The China Quarterly* 90 (1982), trang 195-230.

Chaoshan fengqing wang 2005

Chaoshan fengqing wang. "Chaoren Jingying, xueshuji" [Các viện sĩ hàn lâm lỗi lạc từ Triều Châu và Sán Đầu], 3 tháng 9 năm 2005. [http://www.csfqw.com/people/a/article\\_450\\_1.html](http://www.csfqw.com/people/a/article_450_1.html)

Châu 1992

Châu (Thị) Hải. *Các Nhóm Cộng Đồng Người Hoa Ở Việt Nam*. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 1992.

Châu 1993

Châu (Thị) Hải. "The Chinese in Pho Hien and Their Relations with Chinese in Other Urban Areas of Vietnam" *Vietnamese Studies* 110:4 (1993), trang 52-59.

Châu 2004

Châu (Thị) Hải. "The Policies on Chinese Residents (Hoa) through Various Historical Periods in Vietnam". Trong Thomas Engelbert và Hans Dieter Kubitscheck, eds., *Ethnic Minorities and Politics in Southeast Asia*. New York: Peter Lang, 2004, trang 69-85.

Châu 2006

Châu (Thị) Hải. *Người Hoa Việt Nam và Đông Nam Á: Hình Ảnh Hôm Qua Và Vị Thế Hôm Nay*. Hà Nội: Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội, 2006.

Chen C. 1964

Chen Ching-Ho. *A Brief Study of the Family Register of the Trans, a Ming Refugee Family in Minh Huong Xa, Thua Thien (Central Vietnam)*. Khoa nghiên cứu Đông Nam

- Á, Viện nghiên cứu châu Á, Tài liệu chuyên khảo số 4. Hong Kong: Đại học Hong Kong, 1964.
- Chen K. 1987  
Chen, King C. *China's War with Vietnam, 1979: Issues, Decisions and Implications*. Stanford, CA: Hoover Institution Press, 1987.
- Tân Hoa Xã  
Tân Hoa Xã. "Aomen mingren" [Những nhân vật lỗi lạc của Macao]. [http://www.chinanews.com.cn/zhuanti/aomen/mingren/1\\_copy\(5\).htm](http://www.chinanews.com.cn/zhuanti/aomen/mingren/1_copy(5).htm)
- Dai 1997  
Dai Kelai và Yu, Xiangdong [Người Hoa ở Việt Nam qua con mắt Cai Tinglan sau chuyến đi của ông]. *Huaqiao huaren lishi yanjiu*, 1997 (1), trang 40-50.
- Bộ Văn Hóa và Thông Tin Việt Nam 1978  
Bộ Văn Hóa và Thông Tin Việt Nam. "Ra sức bảo vệ tình hữu nghị Việt – Trung, kịch liệt lên án và chống mọi âm mưu hành động vu cáo Việt Nam trong vấn đề người Hoa". Hà Nội, 1978.
- Elegant 1959  
Elegant, Robert S. *The Dragon's Seed: Peking and the Overseas Chinese*. New York: St. Martin's Press, 1959.
- Evans và Rowley 1990  
Evans, Grant và Kelvin, Rowley. *Red Brotherhood at War: Vietnam, Cambodia and Laos since 1975*. London; New York: Verso, 1990.
- Fall 1958  
Fall, Bernard B. "Vietnam's Chinese Problem". *Far Eastern Survey* 5 (1958), trang 65-72.
- Fan H. 1999  
Fan, Honggui. *Yuenan de minzu yu minzu wenti* [Các dân tộc thiểu số và vấn đề dân tộc ở Việt Nam]. Nam Ninh: Guangxi minzu Press, 1999.
- Fan H. 2004  
Fan, Honggui. *Huanan yu dongnanya xiangguan minzu* [Các dân tộc thiểu số ở miền Nam Trung Quốc và các nhóm liên quan ở Đông Nam Á]. Bắc Kinh: Minzu Press, 2004.
- Fan Q. 1971  
Fan Qin. "Juda de chengji, fanzhong de renwu" [Thành tựu lớn và nhiệm vụ cam go], *Xin Yue Hua Bao* [Tuần tin mới Việt Trung], 4 tháng 8 năm 1971.
- Fitzgerald 1972  
Fitzgerald, Stephen. *China and the Overseas Chinese: A Study of Peking's Changing Policy: 1949-1970*. Cambridge University Press, 1972.
- Fu 2004  
Fu Juhui cùng cộng sự. *Dangdai zhongyue guanxi shi* [Lịch sử của mối quan hệ đương đại Trung – Việt]. Hong Kong: China International Culture Press Limited, 2004.
- Godley 1980

Godley, Michael. "A Summer Cruise to Nowhere: China and the Vietnamese Chinese in Perspective". *The Australian Journal of Chinese Affairs* 4 (1980), trang 35-59.

Guo 2007

Guo Mingjin. "Ershi shiji zhongye yuenan huaqiao canjia geming de yixie qingkuang" [Vài sự thật về người Hoa ở Việt Nam tham gia Cách Mạng vào giữa thế kỷ thứ 20]. *Kunming dangshi* 1 (2007).

Guowuyuan qiaoban qiaowu ganbu xuexiao 1993

Guowuyuan qiaoban qiaowu ganbu xuexiao [Trường dành cho cán bộ phụ trách công tác Hoa kiều, ban Hoa kiều, Hội đồng nhà nước]. *Huaqiao huaren gaishu* [Giới thiệu về người Hoa ở hải ngoại]. Bắc Kinh: Jiuzhou Press, 1993.

Han 1994

Han Xiaorong. "The National Identity of the Chinese Community in North Vietnam: 1954-1978". *Human Mosaic* 28:1 (1994), trang 5-13.

Han 1995

Han, Xiaorong. *National and Ethnic Identities of the Chinese Community in North Vietnam: 1954-1978*. Luận văn Thạc sỹ, Đại học Tulane, 1995.

He Kou Xian Zhi 1994

*He Kou Xian Zhi* [Biên niên sử huyện Hà Khẩu]. Bắc Kinh: Sanlian, 1994.

Hoàng 1978

Hoàng Nguyên. "Cong Jinbian dao Beijing" [Từ Phnom Penh đến Bắc Kinh]. Trong *Zai Yuenan de huaren* [Người Hoa ở Việt Nam]. Hà Nội: Foreign Languages Press, 1978.

Hồng 1964

Hồng Hải. "Gusudao zhi xing" [Chuyến viếng thăm đảo Cô Tô]. *Xin Yue Hua Bao*, 14 tháng 5 năm 1964.

Hood 1992

Hood, Steven J. *Dragon Entangled, Indochina and the China-Vietnam War*. Armonk, NY: M.E. Sharpe, 1992.

Huang 1970

Huang She. "Haifang huaqiao jiaoyu shiye zai sinian kangmeijiuguo zhong buduan gonggu he fazhan" [Hệ thống giáo dục của người Hoa đã thống nhất và phát triển vững chắc suốt thời kỳ bốn năm kháng chiến chống Mỹ]. *Xin Yue Hua Bao*, 9 tháng 2 năm 1970.

Hutton 2000

Hutton, Christopher. "Cross-Border Categories: Ethnic Chinese and the Sino-Vietnamese Border at Mong Cai". Trong Grant Evens và cộng sự, eds., *Where China Meets Southeast Asia: Social and Cultural Change in the Border Regions*. New York: St. Martin's Press, 2000, trang 254-76.

Kỳ S. 1978

Kỳ San. "Guanyu zai yuenan huaren de ruogan ziliao" [Vài thông tin về người Hoa ở Việt Nam]. Trong *Zai Yuenan de huaren*. Hà Nội: Foreign Languages Press, 1978, trang 18-27.

Li B. 1990

Li Baiyin. "Yuenan Huaqiao yu Huaren". [Người Hoa ở Việt Nam]. Guilin: Guangxi Normal University Press, 1990.

Li C. 1937

Li Changfu. *Zhongguo zhimin shi* [Lịch sử thuộc địa của Trung Quốc]. Thượng Hải: Shangwu yinshuguan, 1937.

Lin 2005

Lin Chong. "Zhuang Siming: Cong gongchanzhuyi xinyangzhe dao fanduzhe" [Zhuang Siming: từ một người tin vào chủ nghĩa Cộng Sản thành kẻ thù của chủ nghĩa Cộng Sản]. Mingjianwang, 25 tháng 10 năm 2005. <http://xinsheng.net/xs/articles/gb/2005/10/25/34547.htm>

Lu 1964

Lu Shipeng. *Beishu shiqi de Yuenan* [Việt Nam thời kỳ Trung Quốc cai trị]. Hong Kong: Viện nghiên cứu châu Á, Đại học Hong Kong, 1964.

Ly 1978

Ly Singko, *Hanoi, Peking and Overseas Chinese*. Singapore: Chin Pang Press, 1978.

Mai 1978

Mai Thị Từ. "Women jie de huaren" [Người Hoa trên phố phường của chúng ta]. Trong *Zai Yuanen de huaren*. Hà Nội: Foreign Languages Press, 1978, trang 50-57.

Marsot 1993

Marsot, Alain G. *The Chinese Community in Vietnam under the French*. San Francisco: The Edwin Mellen Press, 1993.

McAleavy 1968

McAleavy, Henry. *Black Flags in Vietnam, The Story of a Chinese Intervention*. New York: The Macmillan Company, 1968.

Miller 1946

Miller, E. Willard. "Mineral Resources of Indo-China". *Economic Geography* 22:4 (1946), trang 268-79.

Bộ Ngoại Giao, Việt Nam 1978 và 1979

"Tuyên bố của Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về vấn đề người Hoa ở Việt Nam". Hà Nội: Sở Văn Hóa và Thông Tin, 1978.

*The Truth about Vietnam-China Relations over the Last Thirty Years*. Hanoi: Bộ Ngoại Giao nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, 1979.

Nhóm Quyền Thiểu Số 1992

Nhóm Quyền Thiểu Số. *The Chinese of Southeast Asia*. London: Minority Rights Group, 1992.

Mitchison 1961

Mitchison, Lois. *The Overseas Chinese*. Chester Springs, PA: Dufour Editions, 1961.

Nguyen M. 1979

Nguyen Manh, Hung. "The Sino-Vietnamese Conflict: Power Play among Communist Neighbors". *Asian Survey* 19:11 (1979), trang 1037-52.

Nguyễn T. 1965

Nguyễn, Thọ Chân. "Guangningsheng hanzu tongbao zai shehuizhuyi zhiduxia canjia jianshe he zhandou de shinian". [Người Hoa thuộc Hán tộc ở tỉnh Quảng Ninh tham gia vào công cuộc xây dựng và đấu tranh xã hội chủ nghĩa trong thập kỷ qua]. *Xin Yue Hua Bao*, 7 tháng 9 năm 1965.

Nguyễn V. 1978

Nguyễn, Vĩnh Long. "Yige bianjingsheng de qianju xuanfeng" [Cơ sở di cư tại một tỉnh biên giới]. Trong *Zai Yuenan de huaren*. Hà Nội: Foreign Languages Press, 1978, trang 38-49.

Nguyễn Y. 1978

Nguyễn, Yên. "Yici qiangpo qianju de jizhi" [Cơ cấu tái định cư bắt buộc]. *Zai Yuenan de huaren*. Hà Nội: Foreign Languages Press, 1978, trang 28-37.

*People's Daily* 1994

[Các ủy viên dân chính (Trung Quốc) gặp đội ngũ tương nhiệm đại diện cho chính quyền Hong Kong và đi đến một thỏa thuận về vấn đề người tị nạn Việt Nam]. 25 tháng 8 năm 1994.

Porter 1980

Porter, Gareth. "Vietnam's Ethnic Chinese and the Sino-Vietnamese Conflict". *Bulletin of Concerned Asian Scholars* 12:40 (1980), trang 55-60.

Thủ tướng Việt Nam 1978

"Yuenan shehuizhuyi gongheguo zongli guanyu juzhu he shenghuo zai yuenan waiguoren de zhengce de jue ding" [Quyết định của Thủ tướng nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về các chính sách đối với người nước ngoài sống tại Việt Nam]. Trong *Zai Yuenan de huaren*. Hà Nội: Foreign Languages Press, 1978, trang 111-13.

Purcell 1952

Purcell, Victor. *The Chinese in Southeast Asia*. London: Oxford University Press, 1952.

Qì 1969

Qì Yuan. "Gei Xigong-Di'an huaqiao tongbao de henianxin" [Lời chúc mừng năm mới gửi những người đồng hương Trung Quốc ở Sài Gòn – Chợ Lớn]. *Xin Yue Hua Bao* 16 tháng 2 năm 1969.

Qiaowu weiyuanhui qiaowu yanjiusuo 1966

Qiaowu weiyuanhui qiaowu yanjiusuo [Viện Công Tác Hải Ngoại, Ban Công Tác Hải Ngoại]. *Zuijin yuenan de Zhengqing yu qiaoping* [Công tác chính trị và những điều kiện hiện thời dành cho các đồng hương hải ngoại ở Việt Nam]. Đà Bắc: Qiao wu wei yuan hui qiao wu yan jiu shi, 1966.

Qing 1996

Qing Feng. "Nongzu' kao" [Nghiên cứu về người Nùng]. *Bagui qiaoshi* 3 (1996).

Ray 1983

Ray, Hemen. *China's Vietnam War*. New Delhi: Radiant Publishers, 1983.

Stern 1986

- Stern, Lewis M. "Vietnamese Communist Policy Towards the Overseas Chinese, 1960-1975". *Contemporary Southeast Asia* 7(1986).
- Suryadinata 1985  
Suryadinata, Leo. *China and the ASEAN States: the Ethnic Chinese Dimension*. Singapore: Singapore University Press, 1985.
- Taylor 1983  
Taylor, Keith. *The Birth of Vietnam*. Berkeley: University of California Press, 1983.
- Sở Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa 1978  
Sở Văn Hóa và Thông Tin Thanh Hóa. *Vẽ Vấn Đề Người Hoa Ở Việt Nam*. Thanh Hóa, 1978.
- Thompson và Adloff 1955  
Thompson, Virginia và Richard, Adloff. *Minority Problems in Southeast Asia*. Stanford: Stanford University Press, 1955.
- Unger 1987  
Unger, E.S. "The Struggle over the Chinese Community in Vietnam, 1946-1986". *Pacific Affairs* 60:4 (1987), trang 596-614.
- Waijiaobu lingshisi 1978  
Waijiaobu lingshisi. "Waijiaobu lingshisi guanyu shenpi guiqiao zhigong guowai gongling jisuan wenti" [Phòng công tác lãnh sự thuộc Bộ Ngoại Giao và vấn đề tính toán thời gian làm việc của Hoa kiều đã hồi hương trong thời gian họ sống ở nước ngoài]. Số 29 (1978). Beijing laodong baozhang wang.  
<http://www.bjld.gov.cn/LDJAPP/search/fgdetail.jsp?no=117>
- Vuong-Riddick 2007  
Vuong-Riddick, Thuong. *The Evergreen Country, A Memoir of Vietnam*. Regina: Hagios Press, 2007.
- Wang 1985  
Wang Gungwu. "External China as a New Policy Area". *Pacific Affairs* 58 (1985): 28-43.
- Wang 1991  
"Among Non-Chinese". *Daedalus* 8:2 (1991), trang 135-57.
- Wei 1967  
Wei Dongsi. "Huaqiao bixu huoxue huoyong Maozhuxi zhuzuo" [Hoa kiều phải gắng sức tồn tại theo đường lối của Chủ tịch Mao]. *Xin Yue Hua Bao*, 5 tháng 7 năm 1967.
- Woodside 1971  
Woodside, Alexander. *Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of Nguyen and Ching Civil Government in the First Half of the 19<sup>th</sup> Century*. Cambridge, MA: Harvard University Press, 1971.
- Woodside 1979  
"Nationalism and Poverty in the Breakdown of Sino-Vietnamese Relations". *Pacific Affairs* 52:3 (1979), trang 381-409.
- Xinhua (Bắc Kinh) 1978



15 tháng 6 năm 1978, "Liao Chengzhi fuweiyuanzhang fabiao zhongyao jianghua" [Phó chủ tịch Liao Chengzhi đọc diễn văn quan trọng].

*Xin Yue Hua Bao* [Tân Việt Hoa Báo] (Hà Nội) 1960-1976.

16 tháng 1 năm 1960, "Henei di'erqi xiaoshangfan hezuohua gongzuo jiben wancheng" [Giai đoạn hai của quá trình tập thể hóa các tiểu thương ở Hà Nội hầu như hoàn tất].

20 tháng 1 năm 1960, "Henei huaqiao Changjiang zhizao shengchan hezuoshi yi chengli" [Người Hoa ở Hà Nội thành lập hợp tác xã dệt may Dương Tử].

23 tháng 1 năm 1960, "Nandingshi jin qicheng shougongyezhe zou hezuohua" [Gần 70% thợ thủ công tại Nam Định gia nhập các hợp tác xã].

25 tháng 1 năm 1960, "Beifang yiyou jin erwanliuqian xiaoshangfan zou hezuohua daolu" [Gần 26.000 tiểu thương ở miền Bắc gia nhập các hợp tác xã].

27 tháng 1 năm 1960, "Yuenan hualian zonghui chunjie zhuci" [Lời chúc mừng năm mới từ Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam].

1 tháng 2 năm 1960, "Zai dangde lingdaoxia databu xiang shehuizhuyi maijin" [Hãy tiến lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng].

20 tháng 3 năm 1960, "Jinpu kuangqu 20 duo youxiu huaqiao gongren jairu dangde duiwu" [Hơn hai mươi công nhân xuất sắc người Hoa tại mỏ Cẩm Phả đã vào Đảng].

30 tháng 3 năm 1960, "Haifang hualian chouweihui gongzuo baogao" [Báo cáo của ủy ban sơ bộ chi nhánh Hải Phòng thuộc Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam].

19 tháng 4 năm 1960, "Haifang gangkou huaqiao gongren jianchi xue yuwen" [Công nhân người Hoa tại cảng Hải Phòng kiên trì học tiếng Việt].

12 tháng 5 năm 1960, "Haifang huaqiao xuexi yuwen yundong jixu gaozhang" [Chiến dịch đẩy mạnh phong trào học tiếng Việt tiếp tục dâng cao trong cộng đồng người Hoa ở Hải Phòng].

22 tháng 5 năm 1960, "Haifang huaqiao zhiqi gaoang juexin zhaidiao wenmang maози" [Khát vọng của người Hoa ở Hải Phòng, quyết tâm xóa nạn "mù chữ" cho bản thân].

6 tháng 7 năm 1960, "Hualian zonghui juxing kuoda huiyi qianglie fandui meiwu pohai nanfang huaqiao" [Ủy ban chấp hành của Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam tổ chức họp mở rộng nhằm kiên quyết phản đối hành động khủng bố của bè lũ Mỹ-Diệm đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam].

7 tháng 7 năm 1960, "Xianming de duizhao" [Tương phản sâu sắc].

17 tháng 7 năm 1960a, "Haifangshi gejie huanqiao fenfen juxing jihui qisheng chize meiwu jituan pohai nanfang huaqiao" [Người Hoa ở Hải Phòng tập hợp lực lượng và đồng lòng phản đối hành động khủng bố của bè lũ Mỹ-Diệm đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam].

17 tháng 7 năm 1960b, "Henei zhonghua zhongxiaoxue jiaoshi juxing huiyi jilie fandui meiwu jituan cuican nanfang huaqiao jiaoyu" [Giáo viên các trường trung học và tiểu học của người Hoa ở Hà Nội tổ chức biểu tình nhằm kiên quyết phản đối hành động khủng bố của bè lũ Mỹ-Diệm đối với hệ thống giáo dục của người Hoa ở miền Nam Việt Nam].

17 tháng 7 năm 1960c, "Nanding gejie huaqiao qingnian juxing jihui jielu meiwu jituan bianbenjiali pohai huaqiao zuixing" [Người Hoa ở Nam Định tập hợp lực lượng nhằm phản đối hành động khủng bố tăng cường của bè lũ Mỹ-Đệm đối với người Hoa ở miền Nam Việt Nam].

26 tháng 7 năm 1960, "Beifang huaqiao jiaoshi gei nanfang huaqiao jiaoshi de xin" [Lá thư của các giáo viên người Hoa ở Hà Nội gửi tập thể giáo viên người Hoa ở miền Nam].

19 tháng 4 năm 1961, "Heneishi yiyou jiuchengduo huaqiao shang yuewen shiziban" [90% người Hoa ở Hà Nội tham gia lớp học tiếng Việt].

13 tháng 5 năm 1961, "Hu zhuxi shicha gusu dao" [Hồ Chủ tịch viếng thăm đảo Cô Tô].

24 tháng 8 năm 1961, "Haifangshi nanfang huaqiao xuesheng xunsu chengzhang" [Học sinh người Hoa đến từ miền Nam tăng lên nhanh chóng ở Hải Phòng].

2 tháng 9 năm 1961, "'Huaqiao tongbao' – bupingfande chenghu" ["Đồng hương Hoa kiều" – một cách gọi đặc biệt].

30 tháng 12 năm 1961, "Beifang huawen xuexiao yuewen jiaoxue zhuan ti huiyi zai Haifang juxing" [Hội nghị đặc biệt về đào tạo tiếng Việt trong trường học người Hoa ở miền Bắc Việt Nam được tổ chức tại Hải Phòng].

27 tháng 4 năm 1963, "Dianbianfu huaqiao jianlile nongyeshe" [Người Hoa ở Điện Biên Phủ thành lập các hợp tác xã nông nghiệp].

20 tháng 11 năm 1963, "Xuanguangsheng huaqiao nongmin zuochu jiji gongxian" [Nông dân người Hoa ở tỉnh Tuyên Quang có những đóng góp tích cực].

28 tháng 7 năm 1964, "Beifang huaqiao daxuesheng renshu riyi zengduo" [Số lượng sinh viên cao đẳng ở miền Bắc đang phát triển].

1 tháng 6 năm 1965, "Henei haifang huaqiao qingnian zhiyuan canjun shadi" [Thanh niên người Hoa ở Hà Nội và Hải Phòng tình nguyện gia nhập quân ngũ, tiêu diệt quân thù].

13 tháng 6 năm 1965, "Huansong henei shoupi huaqiao shangshan luohu" [Cuộc tiễn đưa nòng hậu dành cho nhóm người Hoa đầu tiên rời Hà Nội lên miền núi].

31 tháng 8 năm 1965, "Nanfang jijie beishang huaqiao gangtieban de juexin" [Ý chí thép của cộng đồng người Hoa di cư từ Nam ra Bắc].

15 tháng 9 năm 1965, "Huaqiao shiwu weiyuanhui fuzhuren fangfang zhuanwen haozhao huaqiao canjia fandui diguozhuyi de douzheng" [Phó chủ tịch Fang Fang thuộc Tiểu ban công tác người Hoa kêu gọi Hoa kiều tham gia đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc].

13 tháng 8 năm 1966, "Liangshanshi huayue xiaoshangfan zhuan ye gaoshengchan qude lianghao chengji" [Các tiểu thương người Hoa và người Việt ở Lạng Sơn từ bỏ kinh doanh chuyển sang lao động chân tay và đạt được thành công lớn trong sản xuất].

20 tháng 8 năm 1966, "Haifang huaqiao relie xiangying 'santong 'erhao' yundong" [Người Hoa ở Hải Phòng nhiệt tình hưởng ứng chiến dịch Ba Chia Sẻ và Hai Tốt].

30 tháng 8 năm 1966, "Haifang guangda huaqiao qingnian fenfen baoming canjun shadi" [Thanh niên người Hoa ở Hải Phòng nối tiếp nhau gia nhập quân ngũ, tiêu diệt quân thù].

18 tháng 10 năm 1966, "Jingli, geming de huaqiao qingnian!" [Chào mừng đội ngũ thanh niên cách mạng Trung Hoa!].

19 tháng 10 năm 1966, "Maozhuxi shi huaqiao xinzhong de hongtaiyang" [Chủ tịch Mao là mặt trời đỏ trong trái tim nhân dân Hoa kiều].

27 tháng 11 năm 1966, "Haifang huaqiao relie yonghu zuguo wenhua dageming" [Người Hoa ở Hải Phòng hăng hái ủng hộ cuộc Cách Mạng Văn Hóa tại quê nhà].

11 tháng 12 năm 1966, "Zhongguo wenhua dageming shi gengchu xiuzhengzhuyi de chuangu" [Cách mạng văn hóa Trung Quốc là kế hoạch tiên phong nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xét lại].

25 tháng 12 năm 1966, "Henei shudian daliang chushou Maozhuxi yulu, shoudu gejie xinggaocailie zhengxiang gou baoshu" [Các nhà sách tại Hà Nội ngập tràn tác phẩm tuyển chọn của chủ tịch Mao, người dân thủ đô vừa hân hoan vừa tranh giành nhau mua sách].

5 tháng 7 năm 1967, "Huaqiao bixu huoxue huoyong Maozhuxi zhuzuo" [Hoa kiều phải vận dụng những lý thuyết của chủ tịch Mao vào đời sống và công việc].

14 tháng 7 năm 1967, "Yici banji lianhuanhui" [Cuộc hội ngộ của những đồng môn].

21 tháng 9 năm 1967, "Zhongguo dashiguan zhouyang mishu tanwang henei huaqiao xuexiao" [Bí thư Zhou Yang từ Đại sứ quán Trung Quốc viếng thăm các trường học người Hoa ở Hà Nội].

27 tháng 11 năm 1968, "Zai huaqiao daibiao xuexi xinxiingshi xinrenwu huiyishang de fayan" [Diễn văn gửi các đại biểu người Hoa ở hải ngoại đang tham gia hội nghị học tập về tình hình và nhiệm vụ mới].

30 tháng 10 năm 1969, "Yuenan huaqiao lianhe zonghui gei quanti qiaobao de haozhaoshu" [Thư kêu gọi từ Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam gửi đến toàn thể Hoa kiều].

6 tháng 11 năm 1969, "Haifang hualianhui juxing zhiwei kuoda huiyi xuexi huzhuxi yizhu" [Ủy ban chấp hành chi nhánh Hải Phòng của Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam tổ chức cuộc họp mở rộng nhằm nghiên cứu di chúc của Hồ Chủ tịch].

7 tháng 11 năm 1969, "Yuenan huaqiao yongshi mingji huzhuxi de enqing" [Người Hoa ở Việt Nam sẽ đời đời biết ơn Hồ Chủ tịch].

8 tháng 7 năm 1970, "Nandingshi huaqiao zhongxiaoxue xin yuehua nongchang xiaoxue zongjie xuenian gongzuo" [Các trường học người Hoa ở Nam Định và trường tiểu học nông trường Xinyuehua đánh giá lại công tác niên học qua].

24 tháng 7 năm 1973, "Guanghui de qiancheng" [Một tương lai tươi sáng].

25 tháng 7 năm 1973a, "Haifang jiaoyu juzhang huang she zai huaxiao jiaoyu gaige huiyishang de baogao" [Báo cáo của giám đốc Phòng giáo dục Hải Phòng Huang She gửi tới hội nghị cải cách hệ thống trường học của người Hoa].

25 tháng 7 năm 1973b, "Wo dui hanyu jiaoxue de yixie tihui" [Vài suy ngẫm theo kinh nghiệm bản thân về đào tạo tiếng Hoa].

26 tháng 7 năm 1973, "Huaxiao jiaoyu gaige shi keguan de yaoqiu" [Cải cách trường học người Hoa là một nhiệm vụ chắc chắn].

28 tháng 7 năm 1973, "Zai huaxiaozhong renzhen jiaohao yuwen shi women de renwu" [Nhiệm vụ của chúng ta là dạy tốt bộ môn tiếng Việt trong các trường học người Hoa].

31 tháng 7 năm 1973a, "Huayue renmin zhongshi zhencheng xiangchu gongtong jianshe xingfu shenghuo" [Người Hoa và người Việt đang đối xử trung thực và chân thành với nhau, xây dựng đời sống chung tốt đẹp].

31 tháng 7 năm 1973b, "Jiji cujin huaxiao jiaoyu gaige gongzuo" [Cùng tích cực đẩy mạnh cải cách trường học người Hoa].

4 tháng 8 năm 1973, "Huaxiao jiaoyu gaige kaixinhua" [Cải cách giáo dục đối với trường học người Hoa đã mang lại những kết quả mới].

7 tháng 8 năm 1973, "Jinyibu zuohao huaxiao yuwen jiaoxue gongzuo" [Chúng ta cần phát triển hơn nữa công tác đào tạo tiếng Việt trong trường học người Hoa].

20 tháng 11 năm 1973, "Huaqiao jiaoyu de xin lichengbei" [Mốc mới trong công tác giáo dục Hoa kiều].

7 tháng 12 năm 1973, "Dang de jiaoyu luxian shi women huaxiao qianjin de zhilu mingdeng" [Chính sách giáo dục của Đảng là đèn hiệu thấp sáng thành tựu của hệ thống trường học người Hoa].

10 tháng 8 năm 1974, "Haifang huaqiao disici daibiao dahui longzhong zhaokai" [Hội nghị lần thứ tư của các đại biểu Trung Quốc đến từ Hải Phòng được khai mạc trọng thể].

15 tháng 8 năm 1974, "Haifang yuehua you'eryuan zhuren lu huixian zai haifang huaqiao disici daibiao dahuishang de jianghua" [Diễn văn của giám đốc trường mầm non Yuehua Hải Phòng Lu Huixian trước hội nghị lần thứ tư của các đại biểu Trung Quốc đến từ Hải Phòng].

29 tháng 3 năm 1975, "Yuenan hualian zonghui zhaokai zongjie huiyi tichu xinde gongzuo fangxiang" [Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam tổ chức một hội nghị tổng kết nhằm thảo luận những hướng đi mới cho tổ chức].

26 tháng 6 năm 1975, "Haifang tuanjie zhongxue shangxuenian qude lianghao chengji" [Trường trung học Tuanjie (Đoàn Kết) ở Hải Phòng đạt bước tiến vững chắc trong học kỳ một].

3 tháng 2 năm 1976, "Li Sun tongzhi dao hualian zonghui zhuhe chunjie" [Đồng chí Lê Duẩn đến Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam để trao những lời chúc nhân lễ hội mùa xuân].

1 tháng 9 năm 1976, "Hualian zonghui, henei, haifang hualianhui juxing lianxi huiyi" [Tổng Hội Liên Hiệp Hoa Kiều Việt Nam và các chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng tổ chức cuộc họp chung].

Zhang C. 1969

Zhang, Chun. (Một vài sự thật về người Hoa thuộc Hán tộc ở Giao Chỉ cổ đại, 1-3). *Xin Yue Hua Bao*, 23 tháng 5 năm 1969; 25 tháng 5 năm 1969; 27 tháng 5 năm 1969.

Zhang L. 2006

Zhang, Lei. "Xinzhongguo dongguanxian diyiwei nu waijiao zhanshi: Du Juan" [Du Juan, nhà ngoại giao nữ đầu tiên của thành phố Đông Hoàn, Trung Hoa mới], 2006. [http://www.suno769.com/subject/gcschool/student/t20060131\\_78059.html](http://www.suno769.com/subject/gcschool/student/t20060131_78059.html)

Zhang W. 1975

Zhang, Wenho. *Yuenan huaqiao shihua* [Lịch sử của người Hoa ở Việt Nam]. Đài Bắc: Liming wenhua shiye gufen youxian gongsi, 1975.

Zhao 1993

Zhao, Heman. "Zaitan guangxiji huaqiao huaren zhiduoshao" [Thêm nhiều người Hoa ở Quảng Tây sống ở nước ngoài]. *Bagui qiaoshi* 4 (1993).

Zheng 1976

Zheng, Ruiming. *Qingdai yuenan de huaqiao* [Người Hoa ở Việt Nam thời nhà Thanh]. Đài Bắc: Jiaxin shuini gongsi wenhua jijinhui, 1976.

Zhuang S. 1960

Zhuang, Siming. "Yige huaqiao nu kuanggong de chengzhang" [Sự lớn mạnh của lực lượng thợ mỏ nữ người Hoa]. *Xin Yue Hua Bao* 6 tháng 3 năm 1960.

Zhuang Y. 1960

Zhuang, Yong. "Beifang huaqiao zai qianjin zhong" [Người Hoa ở miền Bắc đang tiến bước]. *Xin Yue Hua Bao* 27 tháng 1 năm 1960.

Zhuang Y. 1961

"Sannianlai yuenan beifang de huaqiao jiaoyu shiye" [Giáo dục của người Hoa ở miền Bắc Việt Nam ba năm qua]. *Xin Yue Hua Bao* 8 tháng 2 năm 1961.

Zhuang Y. 1970

"Sishinianlai zai yuenan laodongdang lingdaoxia de yuenan huaqiao" [Người Hoa ở Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao Động Việt Nam trong bốn thập kỷ qua]. *Xin Yue Hua Bao*, 4 tháng 2 năm 1970.

----

## GIỚI THIỆU DỰ ÁN NGHIENCUUQUOCTE.NET

### Mục đích

*Nghiencuuquocte.net* là một dự án phi chính trị, phi lợi nhuận nhằm mục đích phát triển nguồn học liệu chuyên ngành nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Việt và thúc đẩy việc học tập, nghiên cứu các vấn đề quốc tế tại Việt Nam.

### Lý do ra đời

Trong khi số người học tập và nghiên cứu về các vấn đề quốc tế ở Việt Nam ngày càng gia tăng thì việc tiếp cận các tài liệu mang tính học thuật của thế giới về lĩnh vực này còn rất hạn chế vì hai lý do: Thứ nhất, các tài liệu này thường phải trả phí mới tiếp cận được, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu của Việt Nam hầu như không có chi phí trang trải. Thứ hai, các tài liệu này chủ yếu được xuất bản bằng tiếng Anh, khiến nhiều sinh viên, nhà nghiên cứu, và đặc biệt là quảng đại

độc giả quan tâm đến các vấn đề quốc tế nói chung, gặp khó khăn trong việc tiếp thu, lĩnh hội. *Nghiencuuquocte.net* ra đời với hi vọng sẽ góp phần khắc phục được các vấn đề trên.

### Hoạt động chính

Hoạt động chính của *Nghiencuuquocte.net* là biên dịch sang tiếng Việt và xuất bản trên website của mình các nguồn tài liệu mang tính học thuật bằng tiếng Anh về lĩnh vực quan hệ quốc tế, bao gồm chính trị quốc tế, kinh tế quốc tế, và luật pháp quốc tế.

Các tài liệu này chủ yếu là các bài báo trên các tạp san quốc tế, các chương sách, hoặc các tài liệu tương ứng, đã được xuất bản bởi các nhà xuất bản, các trường đại học và viện nghiên cứu có uy tín trên thế giới.

Dự án ưu tiên biên dịch và xuất bản:

- Các bài viết mang tính nền tảng đối với lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Các bài viết có nhiều ảnh hưởng trong lĩnh vực này;
- Các bài viết liên quan trực tiếp hoặc có ảnh hưởng, hàm ý gián tiếp đến Việt Nam;
- Các bài viết được đồng đạo độc giả quan tâm.

Sau khi dự án hoạt động ổn định, số lượng các bài dịch có chất lượng tăng lên, *Nghiencuuquocte.net* có thể tính tới việc hợp tác với các đối tác để biên soạn các tuyển tập bài dịch theo từng chủ đề nhất định và phát hành dưới dạng sách in hoặc ebook.

### Quy trình biên dịch và xuất bản

Ban biên tập chịu trách nhiệm tuyển lựa (và xin phép các nhà xuất bản nếu cần) các bài viết để giao cho các cộng tác viên dịch. Các cộng tác viên cũng có thể chủ động đề xuất lên Ban Biên tập các bài viết mà mình muốn dịch. Sau khi có sự đồng ý của Ban Biên tập, cộng tác viên sẽ tiến hành biên dịch.

Các cộng tác viên hoặc các cá nhân khác nếu đã dịch sẵn một bài viết/ chương sách nào đó cũng có thể gửi đến Ban Biên tập (kèm bản gốc tiếng Anh) để xem xét. Nếu đề tài phù hợp và chất lượng đạt yêu cầu, bài viết có thể được hiệu đính và xuất bản.

Sau khi nhận được bản dịch, Ban Biên tập sẽ kiểm tra bước đầu chất lượng bài dịch. Nếu chất lượng không đạt (ví dụ sai quá nhiều, khó có thể hiệu đính, biên tập được một cách hiệu quả) thì bài dịch sẽ bị từ chối và trả lại người dịch. Trong trường hợp chất lượng thỏa đáng, bài dịch sẽ được chuyển tới các cộng tác viên phù hợp để kiểm định và hiệu đính. Sau khi hiệu đính, Tổng Biên tập sẽ kiểm tra lại lần cuối. Nếu đạt yêu cầu, bài dịch sẽ được xuất bản trên website dự án.

Tổng Biên tập là người quyết định cuối cùng về việc lựa chọn bài dịch, người dịch, người hiệu đính, cũng như việc chuyển hiệu đính và xuất bản các bài viết.

### Xuất bản các bài dịch đã được công bố

Ban biên tập hoan nghênh các cộng tác viên đóng góp các bài dịch đã được hiệu đính và xuất bản ở các nơi khác. Trong trường hợp đó, các cộng tác viên đảm bảo việc công bố các bài dịch đó trên *Nghiencuuquocte.net* đã được cho phép bởi các bên liên quan.

### Yêu cầu đối với bản dịch

Để được xem xét xuất bản, bản dịch phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Dịch sát và đầy đủ bài viết nguyên gốc. Trong trường hợp vì lý do đặc biệt mà cộng tác viên muốn bỏ một phần nào đó của bài viết gốc thì phải thông báo và được sự đồng ý của Ban Biên tập.
- Ngôn ngữ tiếng Việt trong sáng, dễ hiểu. Hạn chế tối đa lỗi chính tả.
- Trong trường hợp có các thuật ngữ, đoạn văn người dịch cảm thấy khó hiểu hoặc dịch chưa chuẩn, người dịch cần đánh dấu (highlight) các thuật ngữ, đoạn văn đó để tiện cho việc hiệu đính biên tập.
- Giữ toàn bộ nguồn tài liệu tham khảo như trong bản gốc (footnote, endnote, bibliography). Các footnote, endnote có chứa thông tin bổ sung cần được dịch. Tuy nhiên, để tiện cho việc truy nguồn tài liệu tham khảo của người đọc, người dịch giữ nguyên tiếng Anh (không dịch sang tiếng Việt) các nguồn tài liệu tham khảo của bài viết gốc.
- Bài dịch phải được đánh máy bằng font chữ Unicode, cỡ 12 pt, cách dòng 1,5, file MSWord 2003, 2007, 2010 (không gửi bản pdf).
- Bài dịch phải sử dụng Bìa bài dịch theo mẫu thống nhất. Download template bìa bài dịch tại đây: [Template Bìa bài dịch](#)
- Tên file: Tên người dịch + Tên bài viết gốc bằng tiếng Anh.
- Bài dịch sau khi hoàn thành gửi về địa chỉ: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).

### Thời hạn hoàn thành bản dịch

Vì đây là một dự án dựa trên sự đóng góp tự nguyện, Ban Biên tập không yêu cầu thời hạn cụ thể đối với việc hoàn thành các bản dịch. Tuy nhiên, Ban Biên tập hi vọng sẽ nhận được bản dịch trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bản gốc được gửi cho người dịch. Thông thường các bản bài gốc tiếng Anh sẽ có độ dài từ 20-35 trang (bao gồm endnote, footnote, bibliography).

### **Cộng tác với *Nghiencuuquocte.net***

Do đây là một dự án phi lợi nhuận mới ở giai đoạn đầu và chưa có tài trợ nên chúng tôi kêu gọi sự tham gia tình nguyện của các cộng tác viên ở cả hai công đoạn biên dịch và hiệu đính. Nếu bạn quan tâm và muốn trở thành cộng tác viên của dự án, vui lòng điền vào mẫu đơn đăng ký tại: <http://nghiencuuquocte.net/dang-ky-cong-tac/>

Các cộng tác viên đăng ký, tùy vào quyết định của Ban Biên tập, có thể sẽ được đưa vào danh sách cộng tác viên luôn hoặc sẽ được gửi một đoạn trích từ một bài báo/chương sách (khoảng 1-2 trang) để dịch thử. Nếu đạt yêu cầu, chúng tôi sẽ đưa các bạn vào danh sách cộng tác viên và sẽ gửi bài cho các bạn biên dịch/ hiệu đính khi có bài phù hợp với chuyên môn của bạn hoặc theo đăng ký chủ động của bạn. Lưu ý: Việc bạn được gửi bài để dịch cũng như việc bạn nộp bài đã dịch không đảm bảo chắc chắn bài dịch của bạn sẽ được hiệu đính, biên tập và xuất bản.

Lợi ích của việc trở thành cộng tác viên của *Nghiencuuquocte.net*:

- Rèn luyện và nâng cao khả năng tiếng Anh, nhất là kỹ năng dịch thuật;
- Mở rộng hiểu biết về các lĩnh vực nghiên cứu quốc tế;
- Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng học tập và nghiên cứu quốc tế tại Việt Nam;
- Được cấp giấy chứng nhận cộng tác viên (có thể đưa vào hồ sơ xin học bổng, xin việc làm) nếu đóng góp từ 2 bài dịch trở lên.
- Được nhận thù lao trong trường hợp dự án xin được tài trợ hoạt động hoặc bài dịch được sử dụng trong các ấn phẩm phát hành có thu phí.

### **Bản quyền bài dịch**

Bản quyền đối với bản dịch được xuất bản cùng được chia sẻ bởi người dịch, người hiệu đính (nếu phải hiệu đính) và trang *Nghiencuuquocte.net*. Trong trường hợp bản dịch phát sinh doanh thu (ví dụ được đưa vào các giáo trình, tập bài đọc, hoặc các ấn phẩm khác được phát hành có thu phí như sách in hoặc ebook), thì sau khi trừ các chi phí biên soạn, in ấn, phát hành, lợi nhuận thu được sẽ được chia theo tỉ lệ: Người dịch: 40% (hoặc 75% nếu không phải hiệu đính); Người hiệu đính: 35%, trang *Nghiencuuquocte.net*: 25%.

Trang *Nghiencuuquocte.net* chịu mọi phí tổn trong trường hợp phải trả phí cho nhà xuất bản để bài viết được phép dịch sang tiếng Việt.

### **Đăng tải, phát hành lại bài dịch từ *nghiencuuquocte.net***

Việc đăng tải lại trên cách trang mạng các bài dịch đã công bố trên website dự án phải ghi rõ nguồn và dẫn link tới bài viết gốc trên *nghiencuuquocte.net*.

Trong trường hợp in ấn hoặc sử dụng các bài viết cho mục đích thương mại, các bên liên quan phải nhận được sự cho phép bằng văn bản của Ban Biên tập *nghiencuuquocte.net*.

Dù nỗ lực tối đa trong nguồn lực cho phép để đảm bảo chất lượng của các bài dịch, *nghiencuuquocte.net* không chịu trách nhiệm về độ tin cậy, chính xác của các bài dịch cũng như những hậu quả có thể phát sinh từ việc trích dẫn, sử dụng lại nội dung của các bài dịch đó dưới bất kỳ hình thức nào.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Trong khi trân trọng sự đóng góp của các cộng tác viên, *Nghiencuuquocte.net* và Ban Biên tập không thể chịu bất cứ trách nhiệm nào đối với các tổn thất, thiệt hại về vật chất, tinh thần, thời gian, sức khỏe... có thể xảy ra đối với các cộng tác viên trong quá trình tiến hành cộng tác với dự án.

### **Liên lạc**

Mọi trao đổi xin vui lòng gửi tới: Lê Hồng Hiệp Email: [nghiencuuquocte@gmail.com](mailto:nghiencuuquocte@gmail.com).